



HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU  
THỦY SẢN VIỆT NAM



BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

# SỔ TAY HƯỚNG DẪN



**CHỐNG KHAI THÁC IUU  
VÀ NHỮNG KHUYẾN NGHỊ CẦN THIẾT  
KHI XUẤT KHẨU THỦY SẢN  
SANG THỊ TRƯỜNG HOA KỲ**



[www.vasep.com.vn](http://www.vasep.com.vn)

Hà Nội, tháng 12/2020



# NỘI DUNG

Trang

|  |           |
|--|-----------|
| <b>Các từ viết tắt</b>   | <b>01</b> |
| <b>Lời nói đầu</b>   | <b>02</b> |
| <b>I. Thị trường Hoa Kỳ và thương mại thủy sản với Việt Nam</b>  | <b>03</b> |
| 1. Thị trường Hoa Kỳ- vị thế trên thị trường thủy sản thế giới và Việt Nam   | 04        |
| 2. Xu hướng XK các sản phẩm thủy sản chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ, 2015 - 2019   | 05        |
| <b>II. Giới thiệu chung về các quy định chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) của Việt Nam, Hoa Kỳ và FAO</b> | <b>06</b> |
| 1. Khái niệm về IUU  | 08        |
| 2. Các quy định liên quan về chống khai thác IUU   | 09        |
| <b>III. Các câu hỏi thường gặp về các quy định IUU của Hoa Kỳ</b>  | <b>10</b> |
| 1. Chương trình giám sát nhập khẩu thủy sản (SIMP)   | 11        |
| 2. Đạo luật bảo vệ động vật biển có vú dưới biển (MMPA)  | 12        |
| 3. Quy định về chống gian lận thủy sản   | 13        |
| <b>IV. Các khuyến nghị cần thiết khi xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ</b>   | <b>14</b> |
| 1. Khuyến nghị đối với các cơ quan quản lý nhà nước cấp trung ương   | 15        |
| 2. Khuyến nghị đối với các cơ quan quản lý nhà nước địa phương và Ban quản lý cảng cá  | 16        |
| 3. Khuyến nghị đối với doanh nghiệp chế biến   | 17        |
| 4. Khuyến nghị đối với các chủ tàu, ngư dân và đại lý nguyên liệu  | 18        |
| <b>V. Giới thiệu về các cơ quan kiểm tra, giám sát của Hoa Kỳ về chống khai thác IUU và gian lận thủy sản</b>  | <b>19</b> |
| 1. Cơ quan quản lý Đại dương và Khí quyển (NOAA)   | 20        |
| 2. Cơ quan quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA)  | 21        |
| 3. Cơ quan Hải quan và Biên phòng (CBP)  | 22        |
| <b>VI. Thông tin hỗ trợ doanh nghiệp</b>   | <b>23</b> |
| 1. Địa chỉ, thông tin liên hệ và các trang web chính thức của các đơn vị có liên quan:   | 24        |
| 2. Các đường dẫn chiếu tài liệu tham khảo của Việt Nam, Hoa Kỳ, FAO:   | 25        |
| <b>PHỤ LỤC</b>   | <b>27</b> |
| <b>Các thủ tục về An toàn thực phẩm và ghi nhãn mà Doanh nghiệp XK thủy sản vào Hoa Kỳ cần biết</b>  | <b>28</b> |
| <b>I. Đăng ký cơ sở thực phẩm (Food Facility Registration)</b>   | <b>30</b> |
| <b>II. Đại diện Hoa Kỳ của cơ sở nước ngoài</b>  | <b>31</b> |
| <b>III. Thông báo trước (Prior Notice)</b>   | <b>32</b> |
| <b>IV. Đăng ký cơ sở thực phẩm đóng hộp (FCE) và đệ trình quy trình sản xuất (SID)</b>   | <b>33</b> |
| <b>V. Quy định mới về ghi nhãn thực phẩm</b>   | <b>34</b> |
| <b>VI. Đăng ký/cập nhật mã số DUNS khi đăng ký/gia hạn đăng ký định kỳ Nhà máy chế biến thức phẩm với FDA</b>  | <b>35</b> |
| <b>VII. Chương trình giám sát an toàn sản phẩm thủy sản nhập khẩu vào Hoa Kỳ của FDA:</b>  | <b>37</b> |
| 1. Thanh tra cơ sở chế biến thủy sản   | 38        |
| 2. Luật hiện đại hóa và an toàn thực phẩm (Food Safety Modernization Act)  | 39        |
| <b>VIII. Chương trình kiểm soát an toàn thực phẩm thủy sản bộ Siluriformes XK sang thị trường Hoa Kỳ của Bộ Nông Nghiệp Hoa Kỳ</b>                       | <b>40</b> |



## CÁC TỪ VIẾT TẮT

|           |  |
|-----------|--|
| ATTP      | An toàn thực phẩm  |
| CFR       | Code of Federal Regulations - Bộ quy tắc liên bang   |
| FAO       | Food and Agriculture Organization of the United Nations - Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc                       |
| Farm Bill | Đạo luật Nông trại   |
| FDA       | Food and Drug Administration - Cơ quan Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ   |
| FFDCA     | Federal Food, Drug, and Cosmetic Act - Luật Liên bang Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm  |
| FSIS      | Food Safety and Inspection Service - Cơ quan Kiểm dịch và An toàn Thực phẩm Hoa Kỳ   |
| FTA       | Free Trade Agreement – Thỏa ước thương mại tự do   |
| HACCP     | Hazard Analysis and Critical Control Points - Hệ thống Phân tích mối nguy và Điểm kiểm soát tới hạn                              |
| IUU       | Illegal, unreported and unregulated fishing - Các hoạt động khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định |
| MMPA      | Marine Mammal Protection Act - Đạo luật bảo vệ động vật biển có vú dưới biển   |
| NNPTNT    | Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn  |
| NOAA      | National Oceanic and Atmospheric Administration - Cơ quan quốc gia về khí quyển và đại dương thuộc Bộ Thương mại Hoa Kỳ          |
| PSMA      | Luật Hiện đại hóa và An toàn thực phẩm (Food Safety Modernization Act)   |
| SIMP      | Seafood Import Monitoring Program - Chương trình giám sát thủy sản nhập khẩu   |
| TXNG      | Truy xuất nguồn gốc  |
| USDA      | United States Department of Agriculture - Bộ Nông nghiệp   |



## LỜI NÓI ĐẦU

Khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) đang là vấn nạn trên toàn cầu, gây ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của nghề cá toàn cầu, tổn hại đến việc bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản của cộng đồng nghề cá thế giới, gây hậu quả kinh tế và xã hội trên diện rộng.

Khai thác IUU làm suy yếu nỗ lực của các quốc gia và các tổ chức nghề cá khu vực trong hoạt động quản lý nghề cá có trách nhiệm, đồng thời ảnh hưởng đến việc các chính phủ hỗ trợ sinh kế bền vững của ngư dân và rộng hơn là vấn đề đảm bảo an ninh lương thực.

Bởi vì các hoạt động khai thác IUU rất phức tạp, nên nhiều chính phủ và tổ chức trên thế giới cùng phải tham gia để chống lại chúng, bao gồm các Quốc gia treo cờ, Quốc gia ven biển, Quốc gia có cảng, Quốc gia thị trường, các tổ chức quốc tế và liên chính phủ, ngành đánh bắt cá, chế biến, phân phối và bán lẻ, các tổ chức phi chính phủ (NGO), các tổ chức tài chính, công ty bảo hiểm và người tiêu dùng.

Hoa Kỳ là nước có lợi ích đáng kể trong nhiều nghề cá quốc tế và các hiệp định và tổ chức liên quan. Hoa Kỳ là nước dẫn đầu toàn cầu về thủy sản bền vững và là một trong những nước lớn sớm tham gia vào các nỗ lực quốc tế chống khai thác IUU và gian lận thương mại, thông qua các chương trình hoạt động, các biện pháp và hệ thống pháp lý nhằm giảm thiểu hoạt động khai thác IUU, ngăn chặn các sản phẩm khai thác IUU cũng như các sản phẩm khai thác gây tổn hại đến môi trường biển và nguồn lợi thủy sản...

Trong những năm gần đây, cùng với EU, Hoa Kỳ đã có những chương trình và quy định cụ thể nhằm chống lại hoạt động chống khai thác IUU như Đạo luật thực thi chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định năm 2015, Đạo luật Bảo vệ động vật biển có vú, Chương trình an toàn cá heo, Chương trình kiểm soát nhập khẩu... theo đó có các quy định áp dụng đối với các nước có nghề cá thương mại và nghề cá xuất khẩu, các đối tượng áp dụng là sản phẩm nhập khẩu từ các nước xác định có thể có khai thác IUU hoặc khai thác ảnh hưởng đến bảo tồn động vật có vú.

Bên cạnh các quy định chống IUU và các khuyến nghị mà EU yêu cầu Việt Nam thực hiện sau khi đưa ra cảnh báo thẻ vàng IUU từ ngày 23/10/2017, thì những quy định của Hoa Kỳ cũng đang tác động không nhỏ đến việc xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang thị trường này.

Hoa Kỳ luôn nằm trong top 3 thị trường nhập khẩu thủy sản của Việt Nam, tuy nhiên những quy định khắt khe của thị trường này khiến tỷ trọng của Hoa Kỳ từ 20% những năm trước giảm xuống còn 17% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong 2 năm qua. Đối với thủy sản Việt Nam và thế giới, Hoa Kỳ luôn là thị trường quan trọng, vì vậy việc duy trì ổn định và đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường này không chỉ để gia tăng ngoại tệ cho đất nước mà còn khẳng định uy tín, vị thế của thủy sản Việt Nam trên thị trường thế giới.

Với mục đích giúp cộng đồng ngành thủy sản Việt Nam, nhất là các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản nắm bắt những thông tin, quy định quan trọng và mới nhất của thị trường Hoa Kỳ liên quan đến chống khai thác IUU, khai thác, nuôi trồng và xuất khẩu có trách nhiệm, đảm bảo các tiêu chuẩn về An toàn vệ sinh thực phẩm, Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phối hợp với Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam biên soạn và phát hành cuốn "Hướng dẫn Chống khai thác IUU và những khuyến nghị cần thiết khi xuất khẩu thủy sản sang Hoa Kỳ".

Cuốn hướng dẫn đề cập về các khái niệm, quy định và chương trình chống khai thác IUU, bảo tồn nguồn lợi biển của Tổ chức Lương thực Liên Hợp quốc FAO, của Hoa Kỳ và Việt Nam, nhấn mạnh về các quy định và chương trình của Hoa Kỳ đang áp dụng với các nước xuất khẩu như chương trình chống khai thác IUU, chương trình SIMP, chương trình bảo tồn động vật biển có vú, đồng thời giới thiệu các quy định về ATTP mà các nhà sản xuất và xuất khẩu thủy sản phải quan tâm và tuân thủ khi xuất khẩu sang thị trường này. Qua đó, chúng tôi hy vọng đây là cuốn cẩm nang hữu ích cho cộng đồng nông, ngư dân và doanh nghiệp nhận thức và cải thiện quy trình sản xuất, chế biến và xuất khẩu, hướng tới giữ vững thị trường, gia tăng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang Hoa Kỳ.





## I. THỊ TRƯỜNG HOA KỲ VÀ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN VỚI VIỆT NAM

### 1. Tổng quan tiêu thụ thủy sản của Hoa Kỳ

Hoa Kỳ là thị trường tiêu thụ và nhập khẩu thủy sản lớn nhất trên thế giới, chiếm 15 – 16% nhập khẩu của thế giới. Nhập khẩu thủy sản trung bình hàng năm vào Hoa Kỳ đạt khoảng 2,6-2,8 triệu tấn, giá trị dao động từ 18 – 22 tỷ USD trong 5 năm qua (2015 – 2019).

Trong đó, các loài thủy sản được ưa chuộng và nhập khẩu nhiều nhất vào Hoa Kỳ là tôm, cá hồi, cá ngừ (chiếm 50 – 60%) và các loài cá biển khác.

Tiêu thụ bình quân thủy sản của Hoa Kỳ dao động từ 14-16 pao/người, giảm mạnh vào những năm 2012-2014, nhưng 3 năm gần đây hồi phục về mức trên 16 pao/người.

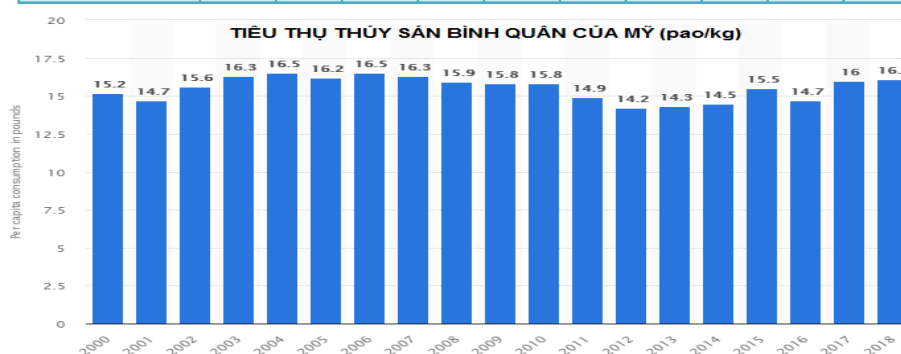
85-95% thủy sản tiêu thụ ở Hoa Kỳ là nguồn nhập khẩu. Tỷ lệ này có xu hướng tăng trong những năm qua, tuy nhiên một phần đáng kể trong đó chính là thủy sản do Hoa Kỳ khai thác xuất khẩu qua các nước để chế biến và nhập khẩu lại vào Hoa Kỳ. Tôm tươi, đông lạnh được nhập khẩu nhiều nhất vào Hoa Kỳ, chiếm 33% khối lượng, tiếp đến là các loại cá nước ngọt phile, cắt thanh, cá hồi, cá ngừ, các loại cá đáy (cá tuyết), cua, mực, tôm hùm... Thủy sản đóng hộp chiếm 12% trong đó cá ngừ hộp chiếm hơn ½. Các nhà cung cấp hàng đầu thủy sản nước ngoài cho Hoa Kỳ là Trung Quốc, Canada, Thái Lan, Việt Nam, Indonesia và Chile, chiếm khoảng 2/3 nhập khẩu của Hoa Kỳ.

Việt Nam là đối tác thương mại thủy sản lớn thứ 6 của Hoa Kỳ, chiếm khoảng 7% trong thị phần, sau Canada, Ấn Độ, Chile, Trung Quốc và Indonesia.

Bảng 1. Nhập khẩu thủy sản của Hoa Kỳ (KL: nghìn tấn; GT: triệu USD)

(Nguồn: fas.usda)

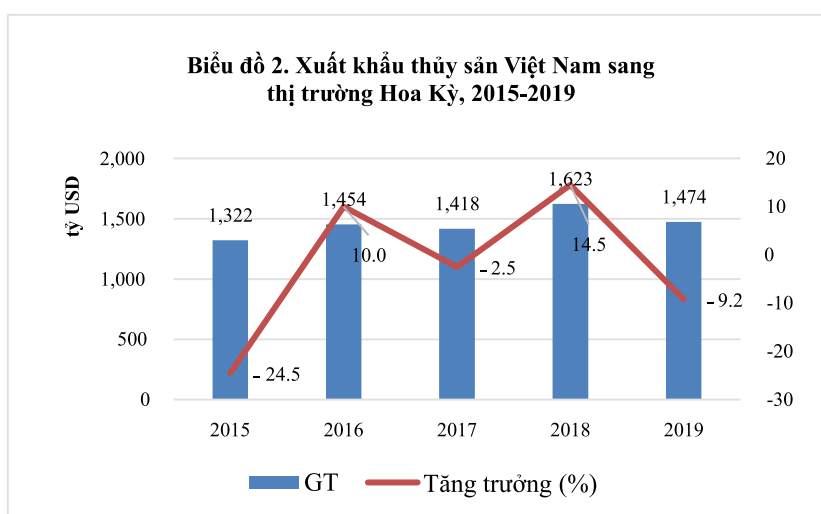
| Sản phẩm                | 2015          |              | 2016          |              | 2017          |              | 2018          |              | 2019          |              |
|-------------------------|---------------|--------------|---------------|--------------|---------------|--------------|---------------|--------------|---------------|--------------|
|                         | GT            | KL           | GT            | KL           | GT            | KL           | GT            | KL           | GT            | KL           |
| <b>Tổng thủy sản</b>    | <b>18.795</b> | <b>2.600</b> | <b>19.539</b> | <b>2.673</b> | <b>21.633</b> | <b>2.735</b> | <b>22.596</b> | <b>2.826</b> | <b>22.140</b> | <b>2.760</b> |
| Tôm                     | 5.439         | 586          | 5.711         | 606          | 6.559         | 666          | 6.253         | 698          | 6.014         | 701          |
| Cá khác                 | 4.868         | 1.000        | 4.806         | 1.044        | 4.916         | 1.017        | 5.232         | 1.026        | 4.771         | 941          |
| Cá hồi salmon           | 2.710         | 344          | 3.206         | 353          | 3.729         | 371          | 4.099         | 403          | 4.251         | 426          |
| Giáp xác khác           | 3.085         | 184          | 3.070         | 181          | 3.404         | 180          | 3.695         | 176          | 3.845         | 184          |
| Cá ngừ                  | 1.452         | 266          | 1.440         | 264          | 1.629         | 277          | 1.836         | 293          | 1.930         | 301          |
| Nhuuyễn thể             | 1.133         | 207          | 1.179         | 211          | 1.258         | 211          | 1.313         | 214          | 1.158         | 189          |
| Cá hồi trout            | 106           | 13           | 122           | 14           | 136           | 13           | 166           | 16           | 171           | 17           |
| Cá da trơn (trừ cá tra) | 2             | 0            | 3             | 1            | 3             | 1            | 1             | 0            | 1             | 0            |



## 2. Xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang Hoa Kỳ

Trong những năm gần đây Hoa Kỳ luôn nằm trong top 3 thị trường NK thủy sản Việt Nam, cùng với EU và Nhật Bản. Trong những năm 2016 trở về trước Hoa Kỳ chiếm tỷ trọng trên 20% tổng XK thủy sản của Việt Nam, nhưng trong 2 năm qua, tỷ trọng này giảm xuống còn 17 – 18%.

Trong 5 năm qua, tổng giá trị XK thủy sản Việt Nam tăng từ 1,3 tỷ USD lên 1,6 tỷ USD, tăng trưởng qua các năm không ổn định. Tôm, cá tra, cá ngừ là 3 loài thủy sản chiếm tỷ trọng chi phối trong tổng thủy sản XK sang Hoa Kỳ (chiếm 85 – 90%), trong đó tôm chiếm 40-50%, cá tra chiếm 20 – 27%, cá ngừ chiếm 10-21%. Chỉ có cá ngừ có XK tăng trưởng ổn định, tăng liên tục từ 190 triệu USD lên 316 triệu USD năm 2019, trong khi cá tra và tôm tụt sụt qua các năm. XK các sản phẩm hải sản khác như surimi và cá biển khác trừ cá ngừ sang thị trường Hoa Kỳ cũng duy trì tăng trưởng dương trong 5 năm qua, trong đó XK các loại cá biển (trừ sản phẩm surimi) tăng mạnh từ 83 triệu USD lên 129 triệu USD.



**Bảng 2. Sản phẩm thủy sản Việt Nam XK sang thị trường Hoa Kỳ, 2015 – 2019 (triệu USD)**

| Sản phẩm               | 2015             | 2016             | 2017             | 2018             | 2019             |
|------------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|
| Tôm                    | 657,042          | 708,755          | 659,239          | 637,722          | 653,886          |
| Tăng trưởng (%)        | -38,3            | 7,9              | -7,0             | -3,3             | 2,5              |
| Cá tra                 | 315,496          | 387,470          | 344,390          | 549,452          | 287,767          |
| Tăng trưởng (%)        | -6,3             | 22,8             | -11,1            | 59,5             | -47,6            |
| Cá ngừ                 | 190,164          | 200,277          | 225,693          | 229,542          | 316,257          |
| Tăng trưởng (%)        | 8,5              | 5,3              | 12,7             | 1,7              | 37,8             |
| Mực, bạch tuộc         | 6,097            | 4,968            | 9,675            | 10,172           | 14,962           |
| Tăng trưởng (%)        | -6,2             | -18,5            | 94,7             | 5,1              | 47,1             |
| NTHMV                  | 8,227            | 10,363           | 8,438            | 9,773            | 11,227           |
| Tăng trưởng (%)        | 18,1             | 26,0             | -18,6            | 15,8             | 14,9             |
| Surimi                 | 1,193            | 1,743            | 1,932            | 2,069            | 2,754            |
| Tăng trưởng (%)        | 18,0             | 46,2             | 10,8             | 7,1              | 33,1             |
| Cua ghe                | 57,684           | 51,042           | 51,678           | 65,086           | 57,806           |
| Tăng trưởng (%)        | -17,9            | -11,5            | 1,2              | 25,9             | -11,2            |
| <b>Tổng</b>            | <b>1,321,884</b> | <b>1,453,601</b> | <b>1,417,593</b> | <b>1,623,022</b> | <b>1,473,979</b> |
| <b>Tăng trưởng (%)</b> | <b>-24,2</b>     | <b>10,0</b>      | <b>-2,5</b>      | <b>14,5</b>      | <b>-9,2</b>      |

## II. GỚI THIỆU CHUNG VỀ CÁC QUY ĐỊNH CHỐNG KHAI THÁC HẢI SẢN BẤT HỢP PHÁP, KHÔNG BÁO CÁO VÀ KHÔNG THEO QUY ĐỊNH (IUU) CỦA VIỆT NAM, HOA KỲ VÀ FAO

### 1. Khái niệm về IUU

#### 1.1. Theo FAO

| Bảng 3. KHAI THÁC THỦY SẢN IUU<br>(theo khái niệm của FAO)  |  |   |
|---|--|---|
| (1) Bất hợp pháp  | (2) Không báo cáo  | (3) Không theo quy định   |
| - Các hoạt động liên quan đến đánh bắt và khai thác thủy sản được thực hiện trái với luật pháp quốc gia, khu vực và quốc tế | - Không báo cáo, báo cáo sai hoặc báo cáo thiếu thông tin về hoạt động đánh bắt và khai thác | - Khai thác thủy sản bằng tàu thuyền không thuộc quản lý quốc gia<br>- Khai thác thủy sản trong vùng hiệp ước của RFMO bằng tàu không thuộc quản lý của tổ chức nào<br>- Các hoạt động đánh bắt thủy sản không được quy định bởi các quốc gia và không dễ theo dõi và giải trình<br>- Các hoạt động đánh bắt thủy sản không được quy định bởi các quốc gia và không dễ theo dõi và giải trình |

#### 1.2. Theo pháp luật Hoa Kỳ

Khai thác bất hợp pháp là các hoạt động đánh bắt được thực hiện trái với luật và quy định hiện hành, bao gồm cả những luật và quy tắc được thông qua ở cấp khu vực và quốc tế.

Khai thác không báo cáo là các hoạt động đánh bắt không được báo cáo hoặc được báo cáo sai cho các cơ quan có liên quan trái với luật và quy định quốc gia hoặc thủ tục báo cáo của một tổ chức quản lý nghề cá khu vực có liên quan.

Hoạt động khai thác không theo quy định là hoạt động đánh bắt ở các khu vực hoặc các nguồn lợi mà không có biện pháp quản lý hoặc bảo tồn và ở nơi mà các hoạt động đánh bắt được tiến hành theo cách không phù hợp với trách nhiệm của Nhà nước về bảo tồn các nguồn tài nguyên biển sống theo luật pháp quốc tế. Các hoạt động đánh bắt cũng sai quy định nếu diễn ra trong khu vực do RFMO quản lý và được tiến hành bởi các tàu không có quốc tịch hoặc bởi những tàu treo cờ của một Quốc gia hoặc tổ chức đánh cá không phải là thành viên của RFMO theo cách không phù hợp với các biện pháp bảo tồn của RFMO đó.

Bảng 4. Một số hành vi bị coi là khai thác IUU (theo văn bản pháp luật Hoa Kỳ)

- Đánh bắt hải sản mà không có giấy phép hoặc hạn ngạch cho một số loài nhất định.
- Không báo cáo sản lượng đánh bắt hoặc báo cáo sai.
- Đánh bắt/giữ các loài hải sản không đủ kích thước hoặc các loài được bảo vệ theo quy định.
- Đánh bắt trong các khu vực đóng cửa hoặc trong các mùa đóng cửa và sử dụng các ngư cụ bị cấm.
- Thực hiện chuyển tải trái phép (ví dụ: chuyển thủy hải sản) sang tàu hàng.

#### 1.3. Theo pháp luật Việt Nam

Luật Thủy sản sửa đổi đã được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2017, trong đó có 2 chương về Khai thác thủy sản và Quản lý tàu cá. Tại mục 4 chương IV của Luật có 2 điều 60 và điều 61 về Khai thác thủy sản bất hợp pháp, chi tiết 14 hành vi được coi là khai thác thủy sản bất hợp pháp và việc xác nhận, chứng nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác.

Bảng 5. 14 hành vi được coi là khai thác thủy sản bất hợp pháp

(Theo Luật Thủy sản 2017)

- 1) Khai thác thủy sản không có giấy phép;
- 2) Khai thác thủy sản trong vùng cấm khai thác, trong thời gian cấm khai thác; khai thác, vận chuyển thủy sản cấm khai thác; khai thác loài thủy sản có kích thước nhỏ hơn quy định; sử dụng nghề, ngư cụ khai thác bị cấm;
- 3) Khai thác thủy sản trái phép loài thuộc Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm;
- 4) Khai thác thủy sản trái phép trong vùng biển thuộc quyền quản lý của tổ chức quản lý nghề cá khu vực, quốc gia và vùng lãnh thổ khác;
- 5) Khai thác thủy sản vượt sản lượng theo loài, khai thác sai vùng, quá hạn ghi trong giấy phép;
- 6) Che giấu, giả mạo hoặc hủy chứng cứ vi phạm quy định liên quan đến khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản;
- 7) Ngăn cản, chống đối người có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, giám sát sự tuân thủ đối với các quy định về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản;
- 8) Chuyển tải hoặc hỗ trợ cho tàu đã được xác định có hành vi khai thác thủy sản bất hợp pháp, trừ trường hợp bất khả kháng;
- 9) Không trang bị hoặc trang bị không đầy đủ hoặc không vận hành thiết bị thông tin liên lạc và thiết bị giám sát hành trình theo quy định;
- 10) Không có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định;
- 11) Tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác thủy sản bất hợp pháp;
- 12) Không ghi, ghi không đầy đủ, không đúng, không nộp nhật ký khai thác thủy sản, không báo cáo theo quy định;
- 13) Sử dụng tàu cá không quốc tịch hoặc mang quốc tịch của quốc gia không phải là thành viên để khai thác thủy sản trái phép trong vùng biển quốc tế thuộc thẩm quyền quản lý của tổ chức quản lý nghề cá khu vực;
- 14) Sử dụng tàu cá để khai thác thủy sản không theo quy định về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trong vùng biển quốc tế không thuộc thẩm quyền quản lý của tổ chức quản lý nghề cá khu vực.

## 2. Các quy định về chống khai thác IUU

### 2.1. Các yêu cầu của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO)

#### 2.1.1. Quy tắc ứng xử cho Nghề cá có Trách nhiệm (Code of Conduct for Responsible Fisheries)

Phát triển một nghề cá có trách nhiệm là nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của mỗi quốc gia, nhằm đảm bảo cho ngành thủy sản cố gắng hiến một cách bền vững cho cuộc sống con người hôm nay và mai sau. Với mục tiêu đó, năm 1995, Tổ chức Nông nghiệp và Lương thực của Liên hợp quốc (FAO) đã thông qua bộ Quy chuẩn ứng xử cho nghề cá có trách nhiệm, đề ra các nguyên tắc và các tiêu chuẩn quốc tế cho các hành vi có trách nhiệm đối với các lĩnh vực liên quan đến nghề cá, trong đó bao gồm cả khai thác, nuôi trồng thủy sản, quản lý nghề cá vùng ven biển, các hoạt động sau thu hoạch, thương mại và nghiên cứu nghề cá. Tuy nhiên, mỗi khu vực, mỗi quốc gia đều có những đặc thù khác nhau, hoàn cảnh khác nhau, tình hình sản xuất khác nhau, trình độ quản lý không như nhau đòi hỏi phải có những hướng dẫn cụ thể để thực hiện Quy chuẩn một cách hữu hiệu nhất. Vì vậy Trung tâm phát triển nghề cá Đông Nam Á (SEAFDEC) đã biên soạn các hướng dẫn cụ thể cho từng lĩnh vực để làm cơ sở cho các nước thành viên ứng dụng.

Các hoạt động sau thu hoạch và thương mại chiếm vai trò hết sức quan trọng trong nghề cá, bao gồm các khâu bảo quản, chế biến, phân phối và tiêu thụ thủy sản, giảm thất thoát sau thu hoạch và hạn chế các chất thải, bảo đảm nguồn thủy sản đến tay người tiêu dùng có chất lượng và an toàn.

Đồng thời, còn góp phần bảo vệ tài nguyên và môi trường. Là thành viên của FAO và SEAFDEC, trên cơ sở hướng dẫn này, Việt Nam có trách nhiệm xây dựng các quy định, điều luật, các hệ thống quốc gia và triển khai các hoạt động để sao cho tài nguyên thủy sản được sử dụng có trách nhiệm nhất, cả về mặt dinh dưỡng, kinh tế, xã hội, môi trường và văn hoá của nghề cá. Và tất cả các nhà quản lý, sản xuất, nghiên cứu, doanh nghiệp và cả người tiêu dùng đều cần phải hiểu rõ về những quy tắc này để làm tròn trách nhiệm của mình.

Trong đó, Bộ quy tắc ứng xử yêu cầu các quốc gia sử dụng nguồn lợi thủy sản phải bảo tồn hệ sinh thái thủy sinh, quyền khai thác phải bao hàm cả nghĩa vụ khai thác có trách nhiệm để bảo đảm bảo tồn và quản lý hiệu quả nguồn lợi thủy sản.

- Các quốc gia phải ngăn ngừa khai thác quá mức và năng lực dư thừa trong khai thác, phải thực hiện các biện pháp quản lý để đảm bảo các nỗ lực khai thác tương xứng với khả năng sinh sản của nguồn lợi thủy sản và việc sử dụng bền vững nguồn lợi này.

- Ngư cụ có chọn lọc và an toàn đối với môi trường và các hoạt động cần được tiếp tục phát triển và áp dụng một cách thiết thực để có thể duy trì đa dạng sinh học và bảo tồn cơ cấu quần thể, hệ sinh thái thủy sinh và bảo vệ chất lượng thủy sản... Các quốc gia phải giảm thiểu sự tàn phá hoặc khai thác các loài không ưu tiên, gồm cả các loài cá và không phải cá và giảm thiểu các tác động tới các loài liên quan hoặc các loài phụ thuộc.

- Các quốc gia phải đảm bảo tuân thủ và thi hành các biện pháp bảo tồn và quản lý, và thiết lập các cơ chế hữu hiệu cho phù hợp để giám sát và kiểm soát các hoạt động của các tàu khai thác và các tàu phụ trợ.

- Khi cho phép các tàu khai thác và các tàu phụ trợ treo cờ của mình, các quốc gia phải thực hành kiểm soát hữu hiệu đối với các tàu này để đảm bảo việc áp dụng thích đáng Quy chuẩn ứng xử. Các quốc gia này phải đảm bảo không để cho các hoạt động của các tàu đó phương hại đến hiệu quả của các biện pháp bảo tồn và quản lý được tiến hành theo luật pháp quốc tế và đã được thông qua để áp dụng ở cấp quốc gia, tiểu khu vực, khu vực và toàn cầu. Các quốc gia cũng cần phải đảm bảo việc các tàu treo cờ của mình thực hiện các nghĩa vụ về thu thập và cung cấp dữ liệu liên quan đến các hoạt động khai thác cá của các tàu này.

- Các quốc gia phải hợp tác ở cấp tiểu khu vực, khu vực và toàn cầu thông qua các tổ chức quản lý nghề cá, các hiệp định quốc tế hoặc các cơ cấu khác để xúc tiến việc bảo tồn và quản lý nhằm đảm bảo khai thác cá có trách nhiệm, bảo đảm bảo tồn và bảo vệ hiệu quả nguồn lợi thủy sinh trong toàn bộ chuỗi phân phối, có tính đến nhu cầu về các biện pháp tương hợp ở những vùng trong và ngoài phạm vi quyền tài phán của quốc gia.

- Các quốc gia phải đảm bảo cho quy trình ra quyết định được minh bạch và phải có được các giải pháp kịp thời đối với các vấn đề cấp bách. Các quốc gia phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc tham khảo ý kiến và sự tham gia của ngành, của những người làm việc trong nghề cá, các tổ chức về môi trường và các tổ chức có mối quan tâm trong quá trình ra quyết định liên quan đến việc xây dựng luật và chính sách về quản lý, phát triển nghề cá, về cho vay và viện trợ quốc tế cho nghề cá.

*2.1.2. Hiệp định Biện pháp quốc gia có cảng nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và xóa bỏ khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (PSMA)*

Mục đích của Hiệp định này là nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và xóa bỏ khai thác IUU thông qua việc triển khai các biện pháp có hiệu quả của Quốc gia cảng, nhờ đó đảm bảo việc bảo tồn dài hạn và sử dụng bền vững nguồn lợi sinh vật biển và các hệ sinh thái biển.

Theo đó, Hiệp định PSMA quy định: Mỗi Thành viên, trong phạm vi quyền hạn của một Quốc gia cảng, phải áp dụng Hiệp định này đối với các tàu không được phép mang cờ của mình và đang tìm cách vào các cảng biển của Quốc gia mình, ngoại trừ:

(a) các tàu của Quốc gia láng giềng, đang tham gia khai thác cá thủ công phục vụ nhu cầu sinh hoạt tối thiểu, nếu như Quốc gia cảng và Quốc gia tàu mang cờ hợp tác với nhau để bảo đảm rằng các tàu đó không tham gia khai thác IUU hoặc các hoạt động liên quan nhằm hỗ trợ cho việc khai thác đó; và,

(b) tàu chở hàng không vận chuyển cá, hoặc nếu có vận chuyển thì chỉ là cá đã được lên bến, với điều kiện không có căn cứ rõ ràng để nghi ngờ rằng tàu đó đã tham gia vào các hoạt động liên quan nhằm hỗ trợ cho việc khai thác IUU.

- Mỗi Thành viên phải chỉ định và công bố các cảng biển mà tàu có thể xin phép vào theo quy định của Hiệp định này; cung cấp một danh mục các cảng biển được chỉ định cho FAO để FAO công khai.

- Sau khi nhận thông tin xác định xem tàu đang xin phép vào cảng của Quốc gia mình có tham gia khai thác IUU hoặc hoạt động hỗ trợ khai thác IUU không, mỗi Thành viên phải ra quyết định chấp thuận hoặc từ chối cho tàu vào cảng, đồng thời thông báo cho tàu hoặc đại diện của tàu biết.

- Khi có đủ bằng chứng rằng tàu đã tham gia khai thác IUU hoặc các hoạt động hỗ trợ khai thác IUU, thì phải từ chối không cho tàu vào cảng của mình. Nếu một tàu biển đã vào cảng, mỗi Thành viên phải từ chối cho tàu đó sử dụng cảng đó để chuyển cá lên bờ, chuyển tàu, đóng gói và chế biến cá chưa chuyển lên bờ, cũng như đối với việc tiếp liệu, hậu cần, bảo dưỡng và các dịch vụ cảng khác, nếu có căn cứ hợp lý rằng tàu đó đã tham gia khai thác IUU hoặc các hoạt động hỗ trợ khai thác IUU....

- Khi quyết định về đối tượng kiểm tra là các tàu nào, mỗi Thành viên phải ưu tiên kiểm tra: các tàu mà trước đó đã bị từ chối vào cảng theo quy định của Hiệp định này; yêu cầu kiểm tra của các Thành viên, Quốc gia hoặc tổ chức quản lý nghề cá khu vực có liên quan đối với các tàu biển cụ thể, đặc biệt là yêu cầu được củng cố bằng các chứng cứ về khai thác IUU của tàu biển đang được xem xét; và các tàu biển khác, nếu có căn cứ rõ ràng để nghi ngờ rằng các tàu đó đã tham gia khai thác IUU hoặc hoạt động hỗ trợ cho việc khai thác đó.

Mỗi Thành viên phải thông báo kết quả mỗi đợt kiểm tra cho Quốc gia mà tàu mang cờ về tàu bị nghi ngờ, và nếu thấy cần thiết phải thông báo cả đến: (a) các Thành viên và Quốc gia liên quan, (b) Các tổ chức quản lý nghề cá khu vực có liên quan; (c) FAO và các tổ chức quốc tế khác có liên quan. Nếu có căn cứ rõ ràng rằng tàu đã khai thác IUU hoặc hoạt động hỗ trợ khai thác IUU, Thành viên đã tiến hành kiểm tra phải: lập tức thông báo cho Quốc gia mà tàu mang cờ, và nếu thấy thích hợp, thông báo cho các Quốc gia ven biển, các tổ chức quản lý nghề cá khu vực và các tổ chức quốc tế khác, cũng như Quốc gia mà thuyền trưởng của tàu cá đó là công dân, và từ chối cho tàu sử dụng cảng để chuyển cá lên bờ, chuyển tàu, đóng gói và bảo quản cá chưa chuyển lên bờ, cũng như đối với việc tiếp liệu, hậu cần, bảo dưỡng và các dịch vụ cảng khác.

### 2.1. Các yêu cầu của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO)

**Bảng 6. Luật pháp Hoa Kỳ liên quan đến khai thác IUU, khai thác ngoài ý muốn và bảo tồn cá mập**

| STT | Tên văn bản                                       | Nội dung chính   |
|-----|---|--|
| 1.  | Đạo luật Magnuson-Stevens (MSA) ban hành năm 1976 | - Là luật nền tảng cho việc bảo tồn và quản lý thủy sản trong EEZ của Hoa Kỳ. Quốc hội đã 2 lần sửa đổi MSA: năm 1996 thông qua Đạo luật Thủy sản Bền vững; năm 2007 thông qua Đạo luật Tái cấp phép MSA có nội dung tăng cường hợp tác quốc tế giải quyết vấn đề khai thác IUU và vấn đề đánh bắt ngoài ý muốn. |
| 2.  | Đạo luật Bảo tồn cá mập năm 2010                  | - Ban hành 4/1/2011, sửa đổi Đạo luật Bảo vệ Moratorium để thúc đẩy áp dụng các biện pháp bảo tồn cá mập của RFMO<br>- Đạo luật đã sửa đổi định nghĩa của Đạo luật Bảo vệ Moratorium về khai thác IUU  |

|    |   |   |
|----|---|---|
| 3. | Đạo luật thực thi chống Khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định năm 2015 | <p>- Được Thượng viện Hoa Kỳ thông qua ngày 22/10/2015</p> <p>- Cung cấp thêm quyền hạn cho các thanh tra của NOAA để tiến hành kiểm tra kỹ lưỡng và từ chối nhập cảnh đối với các tàu bị nghi ngờ IUU tại các cảng của Hoa Kỳ.</p>   |
| 4. | Đạo luật Đảm bảo Tiếp cận Nghề cá Thái Bình Dương.  | Sửa đổi Đạo luật Bảo vệ Moratorium với các thay đổi kỹ thuật đối với quy trình xác định và chứng nhận, và với các điều khoản cho phép Hoa Kỳ tăng cường tham gia vào một số RFMO.   |
| 5. | Đạo luật cấm đánh bắt bằng lưới kéo trên biển   | Cấm Hoa Kỳ tham gia vào các thỏa thuận quốc tế mà có thể ngăn cản việc thực hiện đầy đủ Lệnh của Liên Hợp quốc cấm đánh bắt cá bằng lưới kéo quy mô lớn trên biển. MSRA và SCA đã bổ sung các cơ quan chức năng và trách nhiệm cụ thể để hỗ trợ giảm thiểu hoặc loại bỏ đánh bắt IUU, đánh bắt bằng PLMRs và một số hoạt động đánh bắt cá mập.  |
| 6. | Đạo luật thực thi chống nghề khai thác bằng lưới kéo trên biển                                | Đạo luật này hướng tới chấm dứt tình trạng tàu lưới kéo quy mô lớn của nước ngoài hoạt động bên ngoài EEZ của bất kỳ quốc gia nào. Cho phép xác định các quốc gia có tàu đánh bắt trên vùng biển khơi với quy mô lớn; hạn chế việc vào cảng và nhập khẩu một số sản phẩm từ các quốc gia đó.  |
| 7  | Đạo luật Tuân thủ Đánh bắt trên Biển  | Thực hiện Thỏa thuận Tuân thủ FAO đối với các tàu gắn cờ Hoa Kỳ. Tất cả các tàu của Hoa Kỳ phải có giấy phép trước khi tham gia các hoạt động trên biển cả; cấm sử dụng các tàu cá ở vùng biển khơi trái với CMM quốc tế được Hoa Kỳ công nhận hoặc theo cách vi phạm điều kiện giấy phép.  |
| 8. | Đạo luật Lacey  | <p>Cấm nhập khẩu, xuất khẩu, vận chuyển, sở hữu hoặc mua bán giữa các tiểu bang hoặc nước ngoài đối với bất kỳ loài thủy sản hoặc động vật hoang dã nào bị đánh bắt, sở hữu, vận chuyển hoặc mua bán có vi phạm luật hoặc quy định nào của Hoa Kỳ hoặc bất kỳ nước nào.</p> <p>Lệnh cấm gồm hai phần đòi hỏi bằng chứng về việc vi phạm luật pháp trong nước hoặc nước ngoài, và cả bằng chứng buôn người. Hoa Kỳ đã sử dụng luật để truy tố các cá nhân nước ngoài nhập khẩu cá đánh bắt mà không được phép tại EEZ của một quốc gia khác.</p> |
| 9. | Đạo luật Bảo vệ Động vật biển có vú (MMPA)  | <p>- Cấm săn bắt, bắt giữ hoặc giết hại và nhập khẩu các loài động vật biển có vú vào Hoa Kỳ trừ khi được cho phép rõ ràng.</p> <p>- MMPA cũng cấm nhập khẩu thủy sản được đánh bắt bằng công nghệ đánh bắt thương mại dẫn đến việc vô tình giết chết hoặc gây thương tích nghiêm trọng cho động vật biển có vú.</p>  |

|     |  |  |
|-----|--|--|
| 10. | Đạo luật về các loài nguy cấp                | Bảo tồn các loài có nguy cơ tuyệt chủng ở mức độ toàn bộ hoặc một phần đáng kể. Các lệnh cấm thường áp dụng đối với các loài bị đe dọa. Đạo luật cũng quy định Hoa Kỳ thực hiện các giới hạn về buôn bán các loài được liệt kê trong Công ước CITES.   |
| 11. | Đạo luật Chương trình Bảo tồn Cá heo Quốc tế | Sửa đổi MMPA, quy định các quốc gia có tàu đánh bắt cá ngừ vây vàng bằng lưới vây ở Đông nhiệt đới Thái Bình Dương chỉ được phép xuất khẩu cá ngừ sang Hoa Kỳ nếu có chứng chỉ tham gia Chương trình Bảo tồn Cá heo Quốc tế và là thành viên (hoặc thành viên nộp đơn) của IATTC, đang đáp ứng các nghĩa vụ theo Chương trình và IATTC, và không vượt quá giới hạn tỷ lệ tử vong nhất định của cá heo. |
| 12. | Luật Tôm-Rùa                                 | Yêu cầu Hoa Kỳ cấm vận tôm đánh bắt tự nhiên bằng công nghệ đánh bắt thương mại, chẳng hạn như lưới kéo, có thể ảnh hưởng xấu đến rùa biển. Lệnh cấm nhập khẩu không áp dụng đối với các quốc gia đã áp dụng các chương trình bảo vệ rùa biển tương đương với các chương trình của Hoa Kỳ. Các quốc gia tìm cách nhập khẩu tôm phải được DOS chứng nhận là hàng năm đáp ứng các yêu cầu của luật.      |

### Chi tiết một số đạo luật và chương trình liên quan đến chống khai thác IUU như sau:

#### 2.2.1. Đạo luật Magnuson-Stevens (MSA)

Đạo luật Quản lý và Bảo tồn Nghề cá Magnuson-Stevens là đạo luật cơ bản điều chỉnh việc quản lý nghề cá biển trong vùng lãnh hải liên bang Mỹ. Được thông qua lần đầu tiên vào năm 1976, MSA thúc đẩy sự bền vững về mặt sinh học và kinh tế lâu dài của nghề cá biển của quốc gia. Các mục tiêu chính của MSA là:

- Ngăn chặn đánh bắt quá mức.
- Khôi phục trữ lượng và nguồn lợi các loại bị đánh bắt quá mức.
- Tăng lợi ích kinh tế và xã hội lâu dài.
- Đảm bảo nguồn cung cấp hải sản an toàn và bền vững.

Quốc hội đã 2 lần thực hiện các sửa đổi quan trọng đối với MSA, lần đầu tiên vào năm 1996 đã thông qua Đạo luật Thủy sản Bền vững và lần thứ 2 vào năm 2007 đã thông qua Đạo luật Tái cấp phép MSA.

#### Đạo luật nghề cá bền vững:

- Tăng các yêu cầu về ngăn chặn đánh bắt quá mức và khôi phục những nghề cá bị đánh bắt quá mức.
- Đặt ra các tiêu chuẩn cho các kế hoạch quản lý nghề cá: chỉ rõ mục tiêu và các tiêu chí định lượng để xác định tình trạng trữ lượng.
- Đã thêm 3 tiêu chuẩn quốc gia mới để giải quyết vấn đề an toàn tàu cá, cộng đồng ngư dân và vấn đề đánh bắt không chủ định (bycatch).
- Nhấn mạnh về môi trường sống của các loài thủy sản như một thành phần quan trọng trong quản lý thủy sản.



### **Đạo luật cấp phép lại MSA 2007:**

- Đã thiết lập các giới hạn đánh bắt hàng năm và các biện pháp giải trình.
- Tăng cường các chiến lược quản lý dựa vào trường, bao gồm các chương trình đặc quyền truy cập hạn chế, chẳng hạn như hạn ngạch đánh bắt.
- Tăng cường vai trò của khoa học thông qua đánh giá đồng cấp, các ủy ban khoa học và thống kê, và Chương trình Thông tin nghề cá giải trí.
- Tăng cường hợp tác quốc tế giải quyết vấn đề khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định và vấn đề đánh bắt ngoài ý muốn.

2.2.2. HR 774: Đạo luật thực thi chống Khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU Fisheries Enforcement Act) năm 2015

Ngày 22/10/2015, Thượng viện Hoa Kỳ đã thông qua Đạo luật chống Khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU Fisheries Enforcement Act). Luật mới (HR 774) cung cấp thêm quyền hạn cho các thanh tra của NOAA để tiến hành kiểm tra kỹ lưỡng và từ chối nhập cảnh đối với các tàu bị nghi ngờ IUU tại các cảng của Hoa Kỳ.

### **Điểm nổi bật của Luật mới để tăng cường thực thi chống đánh bắt IUU:**

- Cung cấp nhiều hơn thẩm quyền thực thi cho Lực lượng Bảo vệ Bờ biển Hoa Kỳ và Cục Khí quyển và Đại dương Quốc gia (NOAA).
- Cung cấp các quy tắc và quy định về việc xác nhận giấy phép tàu, lên tàu và tìm kiếm tàu, từ chối cập cảng.. giúp thúc đẩy nghề cá có trách nhiệm và bền vững bằng cách loại bỏ các sản phẩm bất hợp pháp khỏi chuỗi cung ứng thủy sản.
- Tăng năng lực hậu cần cho việc giám sát các tàu nước ngoài bất hợp pháp bằng cách tăng cường chia sẻ thông tin với các chính phủ nước ngoài. Việc tăng cường tính minh bạch và khả năng truy xuất nguồn gốc sẽ giúp nhiều cơ quan có thẩm quyền xác định và xử phạt các quốc gia không tuân thủ các quy định quản lý nghề cá.
- Sửa đổi 2 hiệp định quốc tế để cho phép thực hiện tốt hơn các chính sách và các hình phạt cụ thể đối với đánh bắt IUU.
- Thiết lập các hình phạt dân sự và hình sự đối với các tàu bị phát hiện vi phạm Công ước. - Sửa đổi các Thỏa thuận về các biện pháp của quốc gia có cảng năm 2009 để thực hiện thẩm quyền của Cảnh sát biển và NOAA với quyền từ chối cho vào cảng đối với các tàu trong nước và nước ngoài bị đưa vào danh sách đánh bắt IUU.

Đạo luật thực thi nghề cá IUU 2015 đã hài hòa hóa các điều khoản thực thi giữa luật thực thi quốc tế và thực hiện 2 hiệp ước quan trọng mới; tiếp tục sửa đổi Đạo luật Bảo vệ Moratorium với các cải tiến và hiệu chỉnh kỹ thuật đối với quá trình xác định và chứng nhận.

Theo Đạo luật Bảo vệ Moratorium, Quốc hội yêu cầu Bộ trưởng Thương mại đệ trình báo cáo 2 năm một lần lên Quốc hội về việc cải thiện quản lý nghề cá quốc tế, trong đó bao gồm danh sách các quốc gia được xác định khai thác IUU hoặc một số hoạt động khác. Theo Đạo luật, Bộ trưởng phải xác định các quốc gia đã tham gia khai thác IUU hoặc một số hoạt động khác và tham khảo ý kiến của các quốc gia đó về việc cải thiện thực hành quản lý và thực thi nghề cá của họ. Hai năm sau khi xác định, Bộ trưởng phải xác nhận liệu các hành động của các quốc gia này có khắc phục đầy đủ các hoạt động được quan tâm hay không. Những trách nhiệm này đầu tiên được giao cho các nhà lãnh đạo của Cơ quan Quản lý Khí quyển và Đại dương Quốc gia (NOAA), và sau đó là người đứng đầu Cục Nghề cá Biển Quốc gia (NMFS).

### 2.2.3. Chương trình giám sát nhập khẩu thủy sản (SIMP)

Ngày 09/12/2016, Cơ quan Nghề cá của NOAA đã công bố quy định cuối cùng của Chương trình giám sát thủy sản nhập khẩu (SIMP). Chương trình được thiết lập nhằm theo dõi một số sản phẩm thủy sản nhập khẩu vào quốc gia này, yêu cầu báo cáo và lưu giữ báo cáo cần thiết để ngăn chặn khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU), sản phẩm thủy sản khai báo gian lận NK vào Hoa Kỳ.

Chương trình Giám sát Nhập khẩu Thủy sản là giai đoạn đầu của chương trình truy xuất nguồn gốc dựa trên rủi ro. Chương trình này yêu cầu nhà nhập khẩu cung cấp và báo cáo các dữ liệu chính: từ thời điểm thu hoạch đến khi nhập khẩu vào Hoa Kỳ, dựa trên danh sách ban đầu gồm các loại thủy sản nhập khẩu được xác định là rất dễ bị khai thác IUU và/hoặc gian lận thủy sản.

### 2.2.4. Đạo luật Bảo vệ Động vật biển có vú (MMPA)

Đạo luật Bảo vệ Động vật biển có vú (MMPA) được ban hành vào ngày 21/10/1972. MMPA thiết lập một chính sách quốc gia nhằm ngăn chặn các loài động vật biển có vú và trữ lượng quần thể bị suy giảm xuống mức mà không còn ý nghĩa quan trọng đối với hệ sinh thái.

Theo đó, các nước XK thủy sản cần tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ động vật biển có vú liên quan đến việc nhập khẩu thủy sản và các sản phẩm thủy sản từ nghề khai thác có gây tử vong ngẫu nhiên hoặc cố ý và gây thương tích nghiêm trọng cho động vật biển có vú.

Theo đó, Đạo luật có các điều khoản về việc cấm khai thác và nhập khẩu động vật biển có vú và các sản phẩm từ động vật biển có vú. Cụ thể, các trường hợp bị cấm như sau:

#### a. Cấm khai thác

- Cấm bất kỳ người hoặc tàu thuyền hoặc phương tiện vận chuyển nào thuộc quyền tài phán của Hoa Kỳ khai thác bất kỳ động vật biển có vú nào;

- Ngoại trừ được quy định rõ ràng bởi một hiệp ước, công ước hoặc thỏa thuận quốc tế mà Hoa Kỳ là thành viên:

(A) Cấm bất kỳ người hoặc tàu hoặc phương tiện vận chuyển nào khai thác động vật biển có vú ở vùng biển hoặc các vùng đất thuộc quyền tài phán của Hoa Kỳ; hoặc là

(B) Cấm bất kỳ người nào sử dụng cảng, bến cảng hoặc địa điểm khác thuộc quyền tài phán của Hoa Kỳ để bắt hoặc nhập khẩu động vật biển có vú hoặc các sản phẩm từ động vật biển có vú; và

- Cấm bất kỳ người nào vận chuyển, mua, bán, xuất khẩu hoặc đề nghị mua, bán hoặc xuất khẩu động vật biển có vú hoặc sản phẩm động vật biển có vú trừ khi phục vụ mục đích trưng bày công khai, nghiên cứu khoa học, hoặc cải thiện khả năng sống sót của một loài hoặc quần thể...

...

b. Cấm nhập khẩu động vật biển có thai hoặc cho con bú trừ khi có giấy phép nghiên cứu khoa học, hoặc để tăng cường sự tồn tại hoặc phục hồi của một loài hoặc quần thể, được ban hành theo mục 104 (c) của Đạo luật

c. Cấm nhập khẩu bất kỳ loại thủy sản nào, dù là tươi, đông lạnh hay đã được chế biến khác, nếu loài đó được đánh bắt theo cách bị cấm đối với những người thuộc thẩm quyền của Hoa Kỳ, cho dù trên thực tế có hay không có động vật biển có vú bị bắt trong quá trình đánh bắt cá.

### 2.2.5. Quy định về chống gian lận thủy sản

Ngày 17/6/2014, Tổng thống Obama đã phát hành một Bản ghi nhớ có tựa đề "Thiết lập một Khuôn khổ toàn diện để chống đánh bắt thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) và gian lận thủy sản". Bản ghi nhớ kêu gọi các ban và cơ quan hành pháp chống lại việc đánh bắt thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định và gian lận thủy sản bằng cách tăng cường phối hợp giữa các cơ quan

chức năng. Tổng thống cũng thành lập một Lực lượng Đặc nhiệm bao gồm các đại diện cấp cao của cơ quan liên bang để đưa ra các khuyến nghị cho một khuôn khổ toàn diện nhằm chống lại việc khai thác IUU và gian lận thủy sản. Vào ngày 15/3/2015, Lực lượng Đặc nhiệm đã đưa ra một bản khuyến nghị chính thức, bao gồm cả các biện pháp quốc tế và trong nước.

Tại Hoa Kỳ, luật chính của Liên bang giải quyết vấn đề an toàn và gian lận thủy sản là Luật Liên bang về Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm năm 1938 (The Federal Food, Drug, and Cosmetic Act – FFDCA). FFDCA yêu cầu thực phẩm phải an toàn, lành mạnh và được ghi nhãn chính xác. FFDCA trao cho FDA trách nhiệm chính trong việc đảm bảo rằng thực phẩm trong nước và nhập khẩu (ngoại trừ đa số các loại thịt và gia cầm) bao gồm cả hải sản là an toàn, có chất lượng, đảm bảo vệ sinh và được ghi nhãn thích hợp. FFDCA cũng đưa ra một loạt các định nghĩa chi tiết hóa các khái niệm về tạp nhiễm và ghi sai nhãn hiệu, các quy định về kiểm soát tất cả việc ghi nhãn thực phẩm trong thương mại giữa các tiểu bang, các quy định chi tiết về các vấn đề liên quan đến an toàn và chất lượng của thực phẩm cũng như các biện pháp thực thi có sẵn cho FDA.

FFDCA nghiêm cấm đưa thực phẩm bị pha trộn hoặc ghi nhãn sai vào thị trường, pha trộn hoặc ghi nhãn sai thực phẩm trong quá trình lưu thông trên thị trường, và tiếp nhận, chuyển giao thực phẩm bị pha trộn hoặc ghi nhãn sai trong thương mại.

Một mặt hàng bị coi là ghi nhãn sai nếu nhãn của nó là sai hoặc gây hiểu lầm hoặc được chào bán dưới tên của một loại thực phẩm khác.

Một loại thực phẩm bị coi là tạp nhiễm “nếu có bất kỳ chất nào bị thay thế toàn bộ hoặc một phần.” Theo FFDCA, việc tráo đổi loài này bằng loài khác là vi phạm lệnh cấm tạp nhiễm của FDA. Ví dụ, việc đưa ra thị trường một loại cá ít giá trị hơn dưới tên một loại cá có giá trị cao hơn là sự tráo đổi loài và có thể bị coi là sự tạp nhiễm.

Luật Đóng gói và Ghi nhãn (The Fair Packaging and Labeling Act - FPLA) yêu cầu người tiêu dùng mua hàng hóa đã đóng gói phải được cung cấp thông tin chính xác về nội dung của hàng hóa đó. FPLA yêu cầu mỗi nhãn bao bì phải nhận diện được hàng hóa; phải nêu tên của nhà sản xuất, nhà đóng gói hoặc nhà phân phối; và số lượng thực của hàng hóa (khối lượng hoặc thể tích, hoặc số lượng). Quốc hội đã thông qua FPLA để “cho phép người tiêu dùng có được thông tin chính xác về số lượng của hàng hóa bên trong và để tạo điều kiện so sánh giá trị.” Theo FPLA, những người làm công việc ghi nhãn hoặc đóng gói hàng hóa tiêu dùng “phân phối hoặc phân phối trong thương mại bất kỳ hàng hóa nào như vậy là bất hợp pháp nếu hàng hóa đó được đựng trong một bao bì, hoặc nếu hàng hóa đó được ghi nhãn, nhưng không phù hợp với các quy định” của Luật này. Các sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi FFDCA được đưa vào hoạt động thương mại giữa các tiểu bang vi phạm FPLA và các quy định của nó được coi là gắn nhãn sai theo nghĩa của FFDCA.

FDA là cơ quan chính chịu trách nhiệm đảm bảo rằng thực phẩm được buôn bán giữa các tiểu bang là an toàn và được ghi nhãn thích hợp. Phạm vi quyền hạn của FDA bao gồm cả thủy sản và cơ quan này đang điều hành chương trình quản lý đối với gần như tất cả thủy sản và sản phẩm thủy sản. Trách nhiệm đảm bảo an toàn, chất lượng, tính đồng nhất và tính toàn vẹn về mặt kinh tế của một sản phẩm thực phẩm thuộc về nhà chế biến hoặc nhà nhập khẩu. Họ phải tuân thủ các quy định của FDA đã ban hành theo Luật FFDCA và FPLA.

Ngoài các yêu cầu của liên bang, các tiểu bang cũng quy định về ghi nhãn và thương hiệu thủy sản theo các phiên bản FFDCA của tiểu bang. Ví dụ, ở Alaska “không ai có thể ghi nhãn hoặc chào bán bất kỳ sản phẩm thực phẩm thủy sản nào được gọi là cá bơn, có hoặc không có các từ mô tả bổ sung, trừ khi thủy sản trong sản phẩm thực phẩm đó là *Hippoglossus* hoặc *Hippoglossus stenolepis*.” Ở California, một cá nhân bán bất kỳ hàng hóa nào với số lượng ít hơn số lượng được công bố sẽ bị coi là phạm tội ở mức độ nhẹ.

Thông thường các cơ quan liên bang và tiểu bang phối hợp nỗ lực thực thi các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm và gian lận thủy sản. Ví dụ, các cơ quan của tiểu bang, ngành công nghiệp thủy sản có vỏ, FDA, NOAA và Cơ quan Bảo vệ Môi trường cùng hợp tác theo Chương trình Quốc gia về Vệ sinh Động vật có vỏ (NSSP). Chương trình NSSP thúc đẩy việc kiểm soát vệ sinh động vật có vỏ được sản xuất và bán để làm thực phẩm. Các chính phủ nước ngoài cũng tham gia vào NSSP thông qua các thỏa thuận quốc tế với FDA.

NSSP cung cấp hướng dẫn, cách phân loại khu vực nuôi thủy sản của tiểu bang và các chương trình chứng nhận đại lý. Một trong những mục tiêu chính của NSSP là đảm bảo động vật có vỏ không bị thu hoạch từ các vùng nước ô nhiễm. Tiêu chuẩn này đặc biệt quan trọng đối với các loài động vật có vỏ như trai và sò thường được tiêu thụ sống.

### 2.3. Các văn bản chính của Việt Nam

Bảng dưới đây tóm tắt các quy định của Việt Nam liên quan đến xuất nhập khẩu thủy sản khai thác phù hợp với các quy định chống khai thác IUU, kể từ năm 2017, sau khi EU ban hành thẻ vàng.

| <b>Bảng 7. Các quy định của Việt Nam liên quan đến xuất nhập khẩu thủy sản khai thác phù hợp với các quy định chống khai thác IUU từ năm 2017</b> |  |   |
|---|--|---|
| <b>STT</b>  | <b>Tên văn bản pháp luật</b>   | <b>Nội dung chính liên quan đến chống khai thác IUU</b>   |
| 1   | Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017  | <p>Các khuyến nghị của EC về sửa đổi các quy định về quản lý và chống khai thác IUU đã được tối đa hoá trong Luật Thủy sản 2017 và được thể hiện trong hầu hết các chương, điều</p> <p>Ví dụ: - Các quy định về khai thác IUU được trình bày cụ thể trong phần 4, Chương 4; quy định chi tiết về các hoạt động đánh bắt bất hợp pháp, không theo quy định và không báo cáo; quy định về chứng nhận khai thác, công bố khai thác (Điều: 60, 61).</p> <p>- Quy định về nhiệm vụ và nghĩa vụ của Cảng cá trong Giấy xác nhận khai thác, phối hợp với tổ chức kiểm soát hoạt động khai thác IUU; nhiệm vụ của chủ tàu, thuyền trưởng ra, vào cảng cá ... (Điều: 81, 82, 83).</p>  |
| 2   | Nghị định số 26/2019/NĐ -CP ngày 08/3/2019 hướng dẫn thi hành luật thủy sản                  | <p>-Quản lý hoạt động của tàu cá trên vùng biển Việt Nam:</p> <p>+ Quy định cụ thể về kích cỡ tàu cá được phép hoạt động trong vùng phân vùng đánh bắt tương ứng (ven bờ, vùng lộng và vùng khơi) để bảo vệ nguồn lợi thủy sản.</p> <p>+ Quy định lắp đặt hệ thống giám sát hành trình đối với tàu cá có chiều dài tối đa từ 15 m đến 24 m; tàu cá có chiều dài tối đa trên 24 m phải được lắp đặt VMS kết nối với vệ tinh. VMS lắp trên tàu cá phải được bật liên tục trong quá trình hoạt động trên biển.</p> <p>+ Quy định chi tiết thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép hoạt động khai thác thủy sản của tàu cá Việt Nam hoạt động ngoài vùng biển Việt Nam</p> <p>+ Quy định tàu cá có chiều dài tối đa lớn hơn 15 m được phép hoạt động khai thác hải sản ngoài vùng biển Việt Nam phải được lắp đặt VMS kết nối với vệ tinh và lắp đặt thiết bị thông tin liên lạc theo quy định tương ứng cho khu vực phân vùng đánh bắt.</p> <p>+ Quy định cụ thể về thủ tục cho phép tàu cá Việt Nam đánh bắt ngoài vùng nước Việt Nam</p> |
| 3.  | Nghị định 42/2019/NĐ - CP ngày 16/5/2019 quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực thủy sản | Nghị định quy định xử phạt hành chính đối với 14 hành vi IUU được quy định trong Luật Thủy sản 2017   |

|    |  |  |
|----|--|--|
| 4  | Thông tư số 02/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/01/2018                                     | Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT, Thông tư số 02/2006 TT-BTS, Thông tư 62/2008/TT-BNN và Thông tư 26/2016/ TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016. Cảnh cá thẩm định và cấp giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác trong nước, không vi phạm các quy định về đánh bắt trái phép; sửa đổi các hình thức nhật ký; Trình tự, thủ tục quản lý nguyên liệu thủy sản nhập khẩu vào Việt Nam; Ban hành danh mục các loài thủy, hải sản bị cấm, kiểm soát chặt chẽ nguồn nguyên liệu nhập khẩu vào Việt Nam. |
| 5  | Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018                                     | Giải quyết các quy trình, hướng dẫn điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của các loài thủy sản; thủ tục lập, thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn biển (KBTB) và nội dung quyết định thành lập các KBTB cấp tỉnh (sau đây gọi là “KBTB cấp tỉnh”); hướng dẫn quản lý khu bảo tồn nguồn lợi thủy sản; tiêu chí và ban hành danh mục nghề, ngư cụ cấm khai thác thủy sản và danh mục vùng cấm khai thác thủy sản có thời hạn; đánh dấu ngư cụ được sử dụng trong nghề cá.                 |
| 6  | Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018                                     | Cung cấp việc chuẩn bị và gửi báo cáo đánh bắt và nhật ký khai thác thủy sản; công bố danh sách các cảng cá được chỉ định có đủ hệ thống công bố sản phẩm thủy sản chế biến từ sản phẩm đánh bắt; công bố danh sách tàu IUU; xác nhận báo cáo nguyên liệu khai thác và chứng nhận khai thác; bản kê khai nguyên liệu nhập khẩu hoặc sản phẩm thủy sản chế biến từ nguyên liệu nhập khẩu không vi phạm quy chế định đánh bắt bất hợp pháp.  |
| 7  | Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018                                     | Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, nâng cao nghiệp vụ, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi niêm phong kỹ thuật, thẻ Đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá; đảm bảo an toàn kỹ thuật cho tàu cá; tàu hải giám và tàu công vụ nghề cá; Đăng ký tàu cá rõ ràng và đánh dấu tàu cá.  |
| 8  | Thông tư số 24/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018                                     | Quy định việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản.   |
| 9  | Thông tư số 25/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018                                     | Hướng dẫn các quy định tại Khoản 4 và Khoản 6 Điều 98 Luật Thủy sản về thủ tục đánh giá rủi ro và cấp phép nhập khẩu động vật, thực vật thủy sản sống không thuộc Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để làm thực phẩm, trang trí, giải trí và trưng bày trong các hội chợ, triển lãm và nghiên cứu khoa học.   |
| 10 | Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018                                     | Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 26/2016 /TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản   |
| 11 | Thông tư số 11/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019                                     | Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018.  |
| 12 | Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 hướng dẫn thi hành pháp luật về thủy sản | Về việc cấp phép nhập khẩu tàu cá<br>Kiểm soát hoạt động nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh thủy sản có nguồn gốc từ khai thác bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định  |

### III. CÁC CÂU HỎI THƯỜNG GẶP VỀ CÁC QUY ĐỊNH IUU CỦA HOA KỲ

#### 1. Chương trình giám sát nhập khẩu thủy sản (SIMP)

##### Chương trình áp dụng cho đối tượng nào?

SIMP yêu cầu khai báo dữ liệu tại điểm nhập khẩu vào thị trường Hoa Kỳ hoặc yêu cầu nhà nhập khẩu lưu lại hồ sơ đối với các loài thủy sản và sản phẩm thủy sản được xác định là đặc biệt nguy cơ bị khai thác IUU và gian lận thủy sản. Các nhà nhập khẩu trên hồ sơ sẽ được xác định với Cục Hải quan và Biên phòng Hoa Kỳ (CBP) vào mỗi lần nộp đơn xin nhập khẩu. Nhà nhập khẩu của Hoa Kỳ sẽ phải xin Giấy phép thương mại thủy sản quốc tế (IFTP) từ Cơ quan Nghề cá của NOAA để khai báo một số thông tin thu hoạch nhất định khi nộp hồ sơ xin nhập khẩu và để lưu giữ hồ sơ về chuỗi hành trình loài thủy sản hoặc sản phẩm thủy sản từ lúc đánh bắt cho đến khi nhập khẩu vào Hoa Kỳ.

##### Chương trình này sẽ áp dụng với những loài nào?

13 loài đã được xác định là đặc biệt có nguy cơ bị khai thác IUU và/hoặc gian lận thủy sản; do đó, các loài này đã được bảo hộ trong giai đoạn đầu tiên của chương trình và trong tương lai chương trình sẽ mở rộng để bảo hộ tất cả các loài thủy sản:

Bảng 8.13 loài là đối tượng áp dụng của chương trình SIMP Hoa Kỳ

|  |   |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bào ngư</li> <li>• Cá tuyết Đại Tây Dương</li> <li>• Cua xanh (Đại Tây Dương)</li> <li>• Cá nục heo cờ (Mahi Mahi)</li> <li>• Cá mú</li> <li>• Cua hoàng đế (đỏ)</li> <li>• Cá tuyết Thái Bình Dương</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Cá hồng</li> <li>• Hải sâm</li> <li>• Cá mập</li> <li>• Tôm</li> <li>• Cá kiếm</li> <li>• Cá ngừ: cá ngừ vây dài, cá ngừ mắt to, cá ngừ và cá ngừ vây vàng và cá ngừ vây xanh</li> </ul> |
|--|---|

##### Ngày có hiệu lực để triển khai Chương trình là bao giờ?

Từ ngày 01/01/2018 các yêu cầu khai báo và lưu giữ hồ sơ theo quy định bắt đầu áp dụng cho 11 loài ưu tiên trừ tôm và bào ngư. Kể từ ngày có hiệu lực, hàng nhập khẩu theo mã HTS được chỉ định tuân theo chương trình sẽ cần có bộ thông điệp và nhà nhập khẩu của Hoa Kỳ sẽ phải có IFTP hợp lệ. Hàng nhập khẩu tuân theo Chương trình được nộp đơn mà không có bộ thông điệp đầy đủ (dữ liệu về sự kiện thu hoạch và số IFTP) sẽ bị từ chối và không được CBP trả lại cho đến khi bộ thông điệp và số IFTP được cung cấp.

Vì thủy sản nhập khẩu vào thị trường thương mại Hoa Kỳ vào hoặc sau ngày 01/01/2018 sẽ phải được thu hoạch trước ngày này nên bộ thông điệp về sự kiện thu hoạch sẽ liên quan đến hoạt động đánh bắt xảy ra trước ngày tuân thủ. Các nhà nhập khẩu của Hoa Kỳ phải hợp tác với các nhà cung cấp để đảm bảo rằng thông tin về sự kiện thu hoạch được lưu lại cho mọi sản phẩm trong chuỗi cung ứng được nhập khẩu sau ngày tuân thủ.

##### Ngày áp dụng chương trình SIMP với tôm và bào ngư?

Từ ngày 1/4/2019 tất cả tôm và bào ngư nhập khẩu vào Hoa Kỳ phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của Chương trình Giám sát nhập khẩu thủy hải sản vào Hoa Kỳ (SIMP).

**Cần phải khai báo thông tin nào khi nhập khẩu vào thị trường Hoa Kỳ hoặc nhà nhập khẩu cần phải giữ lại thông tin nào cho thủy sản và sản phẩm thủy sản nhập khẩu?**

Thông tin cần khai báo gồm:

### **1. Đơn vị khai thác hoặc sản xuất**

- Tên và quốc gia treo cờ của tàu khai thác
- bằng chứng về việc cấp phép khai thác/nuôi trồng (giấy phép, đăng ký nuôi, sổ giấy phép)
- Mã nhận dạng tàu duy nhất UVI (nếu có)
- Loại ngư cụ

*Lưu ý: Cần chỉ rõ khu vực đánh bắt và loại ngư cụ theo quy ước khai báo và mã được sử dụng tại cơ quan thực thi quyền tài phán đối với hoạt động khai thác tự nhiên. Nếu không có yêu cầu khai báo, cần sử dụng mã khu vực đánh bắt và mã ngư cụ theo Tổ chức lương thực và nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO).*

### **2. Dữ liệu thu hoạch/khai thác – Loài, thời điểm và địa điểm đánh bắt**

- Loài - Mã loài 3 chữ cái của FAO (Hệ thống thông tin nghề cá và khoa học thủy sản - ASFIS)
- Ngày cập cảng hoặc bốc cá xuống
- Dạng sản phẩm khi cập cảng hoặc dỡ cá - bao gồm cả số lượng và trọng lượng sản phẩm
- Các vùng đánh bắt tự nhiên hoặc nuôi trồng (địa chỉ nuôi)
- Điểm cập bờ đầu tiên
- Tên (các) tổ chức tiếp nhận sản phẩm thủy sản cập cảng

*Lưu ý: Trong trường hợp lô hàng nhập khẩu được gom từ nhiều tàu khai thác hoặc nhiều dữ liệu thu hoạch thì phải khai báo từng dữ liệu liên quan tới lô hàng nhập khẩu đó. Tuy nhiên, nhà nhập khẩu không cần gắn một loài thủy sản cụ thể hoặc một phần cụ thể của lô hàng với bất kỳ dữ kiện khai thác/thu hoạch riêng.*

### **3. Nhà nhập khẩu (giữ giấy phép thương mại thủy sản quốc tế IFTP)**

- Tên, mối quan hệ đối tác và thông tin liên lạc
- Số IFTP đang sử dụng do Cơ quan Nghề cá của NOAA cấp
- Nhà nhập khẩu có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ liên quan tới chuỗi hành trình sản phẩm đã trình bày chi tiết ở trên.
- Thông tin về mọi hoạt động chuyển tải sản phẩm (tờ khai của tàu đánh bắt/tàu vận tải, vận đơn)
- Hồ sơ về việc chế biến, tái chế biến và pha trộn sản phẩm.

### **Tiêu chí để xác định một sản phẩm có nằm trong SIMP hay không là gì?**

Tiêu chí để xác định một sản phẩm thủy sản cụ thể có nằm trong giai đoạn đầu của SIMP hay không chính là Mã Biểu thuế hài hòa (Harmonized Tariff Schedule - HTS) được sử dụng để nộp đơn nhập khẩu điện tử cho lô hàng nhập khẩu. Cơ quan Nghề cá của NOAA sẽ cung cấp cho CBP danh sách các dữ liệu được yêu cầu cho mỗi loài theo mã HTS được đề cập trong SIMP. Danh sách mã HTS cập nhật theo SIMP được đăng tải trong hướng dẫn thực hiện bộ thông điệp cho Cơ quan Nghề cá của NOAA tại địa chỉ:

<https://www.cbp.gov/trade/ace/catair>

### **Thông tin này sẽ được thu thập và khai báo như thế nào?**

Việc thu thập hồ sơ về hoạt động đánh bắt và cập cảng đối với các loài hải sản ưu tiên này sẽ được thực hiện thông qua Hệ thống dữ liệu thương mại quốc tế (ITDS), cổng dữ liệu một cửa của chính phủ Hoa Kỳ dành cho mọi hoạt động khai báo xuất nhập khẩu (do CBP quản lý). Dữ liệu đánh bắt và cập cảng của hàng nhập khẩu sẽ được gửi qua "tập thông báo" của ITDS tại thời điểm nhập khẩu, trong khi đó hồ sơ về chuỗi hành

trình của thủy sản sau khi cập bờ sẽ được chuyển qua chuỗi cung ứng và được nhà nhập khẩu lưu giữ. Nhà nhập khẩu và các tổ chức của Hoa Kỳ có trách nhiệm nhập khẩu theo các quy định của Cục Hải quan Hoa Kỳ và sẽ được yêu cầu nắm giữ IFTP do NOAA cấp.

### **Phải sử dụng ngôn ngữ nào trên hồ sơ lưu trữ?**

Nhà nhập khẩu của Hoa Kỳ phải tự xem lại và xác minh độ chính xác của các tài liệu được lưu giữ bằng bất kỳ ngôn ngữ nào. Chương trình không yêu cầu dịch các tài liệu được lưu giữ sang tiếng Anh nhưng như đã lưu ý ở trên, nhà nhập khẩu Hoa Kỳ phải xem lại và hiểu được các tài liệu đó.

### **Có thể xin Giấy phép thương mại thủy sản quốc tế (IFTP) ở đâu?**

Có thể xin Giấy phép thương mại thủy sản quốc tế tại:

[https://fisheriespermits.noaa.gov/npspub/pub\\_cm\\_login/index\\_live.jsp](https://fisheriespermits.noaa.gov/npspub/pub_cm_login/index_live.jsp)

### **Sản phẩm từ mỗi và tất cả vụ thu hoạch có cần được tách riêng thông qua chế biến và vận chuyển hay không để có thể truy nguyên từ điểm nhập khẩu?**

Không - không cần tách riêng các vụ thu hoạch trong suốt chuỗi cung ứng. Một lô hàng nhập khẩu có thể bao gồm sản phẩm từ nhiều vụ thu hoạch. Trong các trường hợp đó, nhà nhập khẩu phải cung cấp thông tin về mỗi vụ thu hoạch liên quan đến thành phần của sản phẩm cần nhập khẩu, nhưng không cần chỉ rõ phần nào của lô hàng đến từ một vụ thu hoạch cụ thể nào.

### **Yêu cầu về thu thập dữ liệu sẽ được áp dụng như thế nào đối với các hoạt động đánh bắt nhỏ lẻ?**

Chương trình miễn cho nhà nhập khẩu khỏi yêu cầu xác định từng tàu cá quy mô nhỏ - hoặc cơ sở nuôi trồng thủy hải sản quy mô nhỏ - nếu nhà nhập khẩu cung cấp các yếu tố dữ liệu được yêu cầu khác dựa trên báo cáo thu hoạch tổng hợp. Báo cáo thu hoạch tổng hợp được định nghĩa là báo cáo đề cập đến: (1) hoạt động thu hoạch tại một điểm gom duy nhất vào một ngày theo dương lịch từ các tàu cá quy mô nhỏ (tức là các tàu dài 12m hoặc có tổng tải từ 20 tấn trở xuống); (2) hoạt động cập bờ của một tàu chuyển tải sản lượng đánh bắt của các tàu quy mô nhỏ ở ngoài biển.

### **Yêu cầu có áp dụng cho tất cả các sản phẩm có chứa loài ưu tiên không?**

Không. Yêu cầu khai báo và lưu giữ hồ sơ sẽ không áp dụng cho việc nhập khẩu một số sản phẩm thủy sản được chế biến sâu, bao gồm nhưng không giới hạn ở dầu cá, bột nhão, nước mắm, sản phẩm cắt thanh, chả viên, bánh, bánh pudding và các sản phẩm thủy sản chế biến sâu tương tự khác, trong trường hợp các sản phẩm này không thể truy nguyên nguồn gốc về một loài thủy sản hoặc một vụ thu hoạch cụ thể hoặc không được xác định thông qua nhãn sản phẩm. Các mã HTS cụ thể mà chương trình áp dụng được liệt kê trong Hướng dẫn thực hiện của Cơ quan Nghề cá của NOAA tại:

<https://www.cbp.gov/trade/ace/catair>

### **Chương trình này có yêu cầu sửa đổi gì cho việc ghi nhãn không?**

Không. Chương trình giám sát nhập khẩu thủy sản không phải là chương trình ghi nhãn.

### **Chương trình có áp dụng với hải sản thu hoạch trong nước mà sau đó được gửi đến một cơ sở ở nước ngoài để chế biến và/hoặc bảo quản rồi được nhập khẩu trở lại về Hoa Kỳ không?**

Có. Không có ngoại lệ nào với hải sản đánh bắt trong nước. Thủy sản hoặc sản phẩm thủy sản được thu hoạch ban đầu tại Hoa Kỳ, nhưng sau đó được gửi đến một cơ sở ở nước ngoài để chế biến và/hoặc bảo quản trước khi được bán tại Hoa Kỳ cũng phải tuân theo các yêu cầu về khai báo và lưu giữ hồ sơ của Chương trình giám sát nhập khẩu thủy sản đối với việc tái nhập khẩu vào Hoa Kỳ.

### **Một số sản phẩm từ cá ngừ hiện đang tuân theo các yêu cầu khai báo theo quy định hiện có đối với hoạt động nhập khẩu, chúng sẽ bị ảnh hưởng như thế nào bởi Chương trình giám sát nhập khẩu thủy sản?**



Cơ quan Nghề cá của NOAA đã cân đối các yêu cầu về lưu giữ hồ sơ và khai báo của Chương trình theo dõi và xác minh cá ngừ được sử dụng để lập hồ sơ cho hoạt động thu hoạch sản phẩm cá ngừ được bán hoặc xuất khẩu theo nhãn an toàn với cá heo, bao gồm nhiều thành phần thu hoạch, cấp bờ và chuỗi hành trình có trong SIMP. Việc thực hiện các yêu cầu về dữ liệu của Chương trình giám sát nhập khẩu thủy sản sẽ không đưa ra yêu cầu khai báo và lưu giữ hồ sơ không cần thiết đối với các nhà nhập khẩu sản phẩm cá ngừ. Trái lại, các quy định kinh doanh của ITDS sẽ được biên soạn để đảm bảo mỗi thành phần dữ liệu sẽ chỉ được khai báo duy nhất một lần trong một trường hợp cụ thể. Để đảm bảo sự cân bằng giữa hai chương trình, Cơ quan Nghề cá của NOAA có thể sửa đổi Chương trình theo dõi và xác minh cá ngừ để thể hiện các yêu cầu khai báo và lưu giữ hồ sơ mới khi thích hợp. Điều này có thể xảy ra trong trường hợp nhập khẩu cá kiếm và một số loài cá ngừ nhất định được đề cập trong hồ sơ thông kê quốc tế hiện có hoặc các chương trình lập hồ sơ đánh bắt.

### **Yêu cầu khai báo dữ liệu và nộp hồ sơ của quy định này có được đưa vào hồ sơ công khai hoặc hồ sơ người tiêu dùng không?**

Thông tin thu thập được theo chương trình này là thông tin bảo mật. SIMP xây dựng một hệ thống khai báo giữa doanh nghiệp và chính phủ để các cơ quan chính phủ của Hoa Kỳ có thể xác nhận tính hợp pháp của thủy sản và sản phẩm thủy sản nhập khẩu. Để giải quyết các mối lo ngại về tính bảo mật dữ liệu, chương trình sẽ đặt ưu tiên cao nhất cho vấn đề bảo mật dữ liệu trong suốt quá trình này. Thông tin thu thập được qua ACE và được các hệ thống CBP như ITDS lưu giữ là thông tin thương mại, tài chính và độc quyền có tính nhạy cảm cao, và do đó thường được miễn khỏi các yêu cầu về tiết lộ công khai (ví dụ: Đạo luật tự do thông tin).

### **Cơ quan có đưa ra bất kỳ hỗ trợ nào để giúp tuân thủ quy định này không?**

Tùy theo tài nguyên sẵn có, Cơ quan Nghề cá của NOAA và Chính phủ Hoa Kỳ ở phạm vi rộng hơn sẽ cung cấp hỗ trợ cho các quốc gia xuất khẩu và nhà nhập khẩu trong nước để trợ giúp việc tuân thủ các yêu cầu của quy định, bao gồm việc hỗ trợ để xây dựng năng lực:

Thực hiện các hoạt động quản lý nghề cá hiệu quả;

Củng cố các cơ chế quản lý nghề cá và cơ quan thi hành để chống khai thác IUU và gian lận hải sản; và

Xây dựng, duy trì hoặc hỗ trợ các hệ thống để cho phép truy nguyên nguồn gốc của các lô thủy sản và sản phẩm thủy sản xuất khẩu đến điểm thu hoạch. Mức ưu tiên cho việc xây dựng năng lực được xác định trong Kế hoạch hành động chiến lược để xây dựng năng lực quốc tế nhằm tăng cường quản lý nghề thủy sản và chống hoạt động khai thác IUU

## **3. Đạo luật bảo vệ động vật biển có vú dưới biển (MMPA)**

### **Đối tượng phải tuân thủ các quy định này?**

Các quy định này áp dụng đối với tất cả các quốc gia xuất khẩu thủy sản sang Hoa Kỳ, trực tiếp hoặc thông qua một quốc gia trung gian.

### **Khi nào quy định này có hiệu lực?**

Quy định này có hiệu lực từ 1/1/2017. Tuy nhiên NOAA Fisheries cho phép một khoảng thời gian 5 năm miễn áp dụng để các quốc gia triển khai các chương trình quy định tương đương với Chương trình Hoa Kỳ, bao gồm đánh giá trữ lượng động vật biển có vú, ước tính lượng đánh bắt không chủ định và giảm thiểu lượng đánh bắt này xuống mức tương ứng với quy định trong chương trình quản lý nghề cá nội địa Hoa Kỳ. Nghề cá các nước sẽ phải đáp ứng các quy định tương đương để áp dụng cho hàng nhập khẩu bắt đầu từ ngày 1/1/2022.

### **Hoa Kỳ có quyền thực hiện quy định này với vùng biển của quốc gia khác không?**

Hoa Kỳ không trực tiếp kiểm soát tình trạng đánh bắt không chủ định đối với các loài động vật biển có vú ở lãnh hải của một quốc gia nào. Cơ quan nghề cá NOAA chỉ thiết lập các tiêu chí để các nước tuân thủ, nếu muốn nhập khẩu thủy sản vào Hoa Kỳ. (MMPA phần 101 (a) (2), 102 (c) (3) đối với nghề cá quốc tế và 118 (a) (5) đối với nghề cá trong nước.)

### Danh sách các nước có nghề cá được phân loại và áp dụng như thế nào?

Cơ quan nghề cá NOAA xác định những quốc gia nào có hoạt động đánh bắt thương mại và xuất khẩu thủy sản sang Hoa Kỳ, sau đó phân loại các nghề cá các nước dựa trên mức độ tác động đến động vật biển có vú để phân thành quốc gia có nghề cá "được miễn áp dụng (exempt)" hoặc quốc gia xuất khẩu (export)" (xem các định nghĩa dưới đây).

Việc phân loại này nhằm xác định các tiêu chí nghề cá nước đó cần đáp ứng để được đánh giá tương đương. Kết quả đánh giá tương đương áp dụng cho cả nghề cá được miễn áp dụng và nghề cá xuất khẩu, tuy nhiên, các tiêu chí cần thực hiện sẽ tập trung vào việc đánh bắt động vật biển có vú một cách cố ý.

Để triển khai danh sách này, NOAA Fisheries sẽ thông báo cho các nước có hoạt động đánh bắt thương mại và xuất khẩu thủy sản sang Hoa Kỳ, yêu cầu trong vòng 90 ngày kể từ ngày thông báo các quốc gia này gửi thông tin về nghề cá thương mại đã được xác định, bao gồm số lượng tàu cá, loại ngư cụ, loài đánh bắt, vùng khai thác, mùa khai thác và tất cả thông tin liên quan đến mức độ tử vong và thương tích nghiêm trọng của động vật biển có vú, bao gồm cả các chương trình đánh giá các quần thể động vật biển có vú.

Các quốc gia phải nộp bản sao của các luật, nghị định, quy định hoặc biện pháp giảm tỷ lệ tử vong ngẫu nhiên và thương tích nghiêm trọng đối với động vật biển có vú trong các nghề cá hoặc cấm việc giết/làm bị thương động vật có vú một cách cố ý. Cơ quan nghề cá NOAA sẽ sử dụng thông tin này và tất cả thông tin sẵn có để phân loại nghề cá các nước là nghề cá "xuất khẩu" hoặc "được miễn áp dụng" để triển khai Danh sách Nghề cá các nước.

Trong trường hợp quốc gia nghề cá không cung cấp hoặc không có thông tin về mức độ đánh bắt không chủ định, thì cơ quan nghề cá NOAA có thể xác định nghề cá của quốc gia đó là một nghề cá được miễn áp dụng hay nghề cá xuất khẩu bằng cách đánh giá nghề cá qua các thông tin như kỹ thuật đánh bắt, ngư cụ sử dụng, các phương pháp tránh đánh bắt động vật biển có vú, loài đánh bắt, vụ mùa và các khu vực đánh bắt, dữ liệu định tính từ nhật ký hoặc báo cáo của ngư dân, dữ liệu mắc cạn, loài và phân bố động vật biển có vú trong khu vực hoặc các yếu tố khác.

NOAA cũng có thể dựa trên sự tương đồng với các nghề cá khác của Hoa. Cơ quan Nghề cá NOAA sẽ xây dựng một bản Danh sách Nghề cá các nước vào năm 2017 và năm 2021. Sau đó, Danh sách nghề cá các nước sẽ được điều chỉnh lại 4 năm một lần.

#### "Nghề cá xuất khẩu" là gì?

"Nghề cá xuất khẩu" ("export fishery") chỉ một nước có hoạt động khai thác thương mại để xuất khẩu thủy sản sang Hoa Kỳ mà có nhiều khả năng gây tử vong ngẫu nhiên và tổn thương nghiêm trọng đến động vật biển có vú trong quá trình khai thác thương mại.

#### "Nghề cá được miễn áp dụng" là gì?

"Nghề cá được miễn áp dụng" ("exempt fishery") chỉ một nước có hoạt động đánh bắt thương mại và xuất khẩu thủy sản sang Hoa Kỳ có khả năng điều khiển để không gây tử vong ngẫu nhiên hay thương tích nghiêm trọng nào đến động vật biển có vú trong quá trình hoạt động đánh bắt. Đối với hoạt động đánh bắt cá thương mại có khả năng điều khiển từ xa trong việc đánh bắt không chủ định động vật biển có vú, cần phải có phải hoặc cùng với các nước xuất khẩu thủy sản khác sang Hoa Kỳ loại bỏ: (1) 10% hoặc ít hơn đối với tỷ lệ đánh bắt không chủ định bất kỳ trữ lượng động vật biển có vú, (2) Hơn 10% đối với tỷ lệ đánh bắt không chủ định bất kỳ của các loài động vật biển có vú, tuy nhiên nghề cá đó tự loại bỏ 1% hoặc ít hơn giới hạn số lượng đánh bắt không chủ định hàng năm.

#### Nghề cá được miễn áp dụng có phải theo các quy định này không?

Không. Mỗi quốc gia vẫn phải có kết quả đánh giá tương đương của nghề cá được miễn áp dụng của họ, bằng việc chứng minh rằng quốc gia đó đã nghiêm cấm cố ý gây tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng đối với các loài động vật biển có vú trong quá trình đánh bắt cá thương mại, trừ khi việc đó rất cấp bách để tự vệ hoặc cứu người gặp nguy hiểm; hoặc quốc gia đó có các thủ tục để xác nhận chắc chắn rằng xuất khẩu thủy

sản sang Hoa Kỳ không phải là sản phẩm từ hoạt động đánh bắt gây tử vong hoặc thương tích có chủ ý đối với động vật biển có vú. Tuy nhiên, nghề cá được miễn áp dụng không phải đáp ứng các điều kiện về quy định tương đương áp dụng với các nghề cá xuất khẩu đòi hỏi phải có chương trình kiểm soát hiệu quả tương đương với chương trình của Hoa Kỳ.

### **Quy trình cho một nghề cá mới muốn xuất khẩu sang Hoa Kỳ nhưng chưa có kết quả đánh giá tương đương?**

Sau khi kết thúc giai đoạn được miễn áp dụng 5 năm lần thứ nhất, bất kỳ quốc gia hoặc nghề cá nào chưa từng xuất khẩu sang Hoa Kỳ và muốn xuất khẩu sẽ được cấp đánh giá tương đương tạm thời trong thời gian không quá 12 tháng. Sau đó, nghề cá đó sẽ được phân loại như là một nghề cá xuất khẩu cho đến khi Danh sách các nghề cá nước ngoài tiếp theo được công bố.

Nếu một quốc gia cung cấp các thông tin đáng tin cậy cần thiết để phân loại hoạt động đánh bắt thương mại tại thời điểm yêu cầu đánh giá tương đương tạm thời hoặc trước khi kết thúc quá trình đánh giá tương đương tạm thời, Cơ quan nghề cá NOAA sẽ phân loại nghề cá theo các định nghĩa trên. Trước khi kết thúc giai đoạn tạm thời, mỗi quốc gia phải cung cấp thông tin để phân loại nghề cá và đề xuất và nhận đánh giá tương đương để tiếp tục xuất khẩu thủy sản sang Hoa Kỳ sau khi hết giai đoạn tạm thời.

### **Các quốc gia có nghề cá có thể thay đổi từ nghề cá "xuất khẩu" sang "được miễn áp dụng" bằng cách cung cấp thêm thông tin không?**

NOAA sẽ định kỳ rà soát Danh sách Nghề cá các nước trước khi hết thời hạn được miễn áp dụng 5 năm và sau đó rà soát 4 năm một lần. Việc điều chỉnh sẽ dựa trên thông tin do quốc gia có nghề cá cung cấp hoặc các thông tin có sẵn khác. Trong giai đoạn chuyển tiếp sẽ không phân loại lại nghề cá các nước.

### **Các hoạt động nuôi trồng thủy sản có bao gồm trong các quy định này không?**

Có. Định nghĩa quy định về nghề cá thương mại bao gồm cả hoạt động nuôi trồng thủy sản. Yêu cầu về đánh giá tương đương áp dụng cho nhập khẩu thủy sản khai thác và nuôi trồng. NMFS sẽ áp dụng các tiêu chí như nghề cá khai thác để phân loại các hoạt động nuôi trồng thủy sản trong môi trường sống của động vật biển có vú thành các nghề cá được miễn áp dụng hoặc nghề cá xuất khẩu (ví dụ dựa trên mức độ đánh bắt không chủ định đối với động vật biển có vú).

### **Việc đánh giá tương đương có cần thiết để nhập khẩu thủy sản vào Hoa Kỳ không?**

Có. Vào cuối mỗi giai đoạn được miễn áp dụng, và cứ 4 năm một lần, một quốc gia có nghề cá phải nộp đơn và phải được đánh giá tương đương thì mới được xuất khẩu thủy sản sang Hoa Kỳ. Hoa Kỳ sẽ thông báo cho các quốc gia và công bố trên công báo Liên bang (Federal Register) danh sách các quốc gia và các nghề cá đã được đánh giá tương đương hoặc bị từ chối và danh sách các sản phẩm thủy sản bị cấm nhập khẩu.

### **Các quốc gia cần đáp ứng những yêu cầu nào để được đánh giá tương đương?**

Để được đánh giá tương đương cho nghề cá được miễn áp dụng hoặc nghề cá xuất khẩu hoạt động trong vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) và lãnh hải, biển cả của một quốc gia, hoặc trong các ngư trường của quốc gia khác, thì quốc gia nghề cá đó phải chứng minh rằng đã nghiêm cấm cố ý gây tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng cho động vật biển có vú trong quá trình đánh bắt thương mại trừ khi cần thiết để tự vệ hoặc để cứu người gặp nguy hiểm.

Ngoài ra, quốc gia đó phải chứng minh rằng đã có các thủ tục để xác nhận chắc chắn rằng thủy sản xuất khẩu sang Hoa Kỳ không phải là sản phẩm từ nghề cá có chủ ý gây tử vong hoặc gây tổn thương nghiêm trọng đến động vật biển có vú trừ khi cần thiết để tự vệ hoặc để cứu người gặp nguy hiểm.

Đối với nghề cá xuất khẩu, quốc gia đó cũng phải chứng minh là đã thông qua và thực hiện một chương trình có hiệu quả tương đương với chương trình của Hoa Kỳ kiểm soát tỷ lệ tử vong ngẫu nhiên và gây thương tích nghiêm trọng đối với động vật biển có vú trong quá trình đánh bắt thương mại.

## Tiêu chuẩn của Hoa Kỳ đối với việc giảm thiểu tỷ lệ đánh bắt không chủ định đối với các loài động vật biển có vú là gì?

Quy định kiểm soát của Hoa Kỳ về tỷ lệ động vật biển có vú tử vong ngẫu nhiên và thương tích nghiêm trọng trong nghề cá thương mại được quy định trong MMPA (ví dụ: 16 U.S.C. 1386 và 1387) và các quy định thực thi. Thông tin về đánh bắt không chủ định động vật biển có vú; chương trình quản lý của Hoa Kỳ và đánh giá trữ lượng có thể được tìm thấy tại: <http://www.NOAA.Fisheries.noaa.gov/pr/sars/species.htm> và tại trang: [http://www.NOAA.Fisheries.noaa.gov/pr/interactions/trt/marine\\_mammal\\_take\\_reduction\\_program.html](http://www.NOAA.Fisheries.noaa.gov/pr/interactions/trt/marine_mammal_take_reduction_program.html).

## Các quy định đối với nghề cá xuất khẩu hoạt động trong vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) hoặc lãnh hải của mình?

Đối với nghề cá xuất khẩu hoạt động trong vùng EEZ hay vùng lãnh hải của quốc gia đó, các yêu cầu đặt ra là phải có một chương trình kiểm soát có hiệu quả tương đương với chương trình kiểm soát của Hoa Kỳ và phải có những kết quả tương đương như sau:

- Đánh giá trữ lượng động vật biển có vú, ước tính quần thể các loài này đang bị đánh bắt không chủ định bởi nghề cá xuất khẩu tại vùng biển thuộc chủ quyền của nước sở tại.
- Nước có nghề cá XK phải có danh sách các tàu khai thác thương mại thuộc quản lý của nước đó, bao gồm số lượng tàu cá, thông tin về các loại ngư cụ, các loài khai thác, mùa khai thác, và khu vực khai thác.
- Các quy định kiểm soát (ví dụ: bao gồm bản sao của các luật liên quan, các nghị định, và các văn bản thực thi hoặc các biện pháp) bao gồm:
  - Yêu cầu chủ tàu hoặc người điều khiển tàu cá báo cáo số lượng động vật biển có vú bị chết hay bị thương trong quá trình đánh bắt thương mại; và
  - Yêu cầu nước có nghề cá xuất khẩu phải có các biện pháp giảm số lượng động vật biển có vú bị thương và tử vong dưới mức giới hạn đánh bắt không chủ định. Các biện pháp này bao gồm: hạn chế số lượng động vật biển có vú bị chết ngẫu nhiên và bị thương nghiêm trọng; giải thoát động vật biển có vú bị vướng vào ngư cụ một cách cẩn thận và an toàn; đánh dấu các ngư cụ; sử dụng các thiết bị hoặc ngư giúp giảm hoặc tránh bắt lẫn động vật biển có vú (ví dụ như máy phát siêu âm...); điều chỉnh hoặc hạn chế các ngư cụ; hoặc áp dụng lệnh cấm khai thác trong một khoảng thời gian hay tại khu vực nào đó;
  - Đối với các quần thể di cư hay bất cứ quần thể động vật biển có vú nào có liên quan đến nghề cá xuất khẩu, thì mọi biện pháp giảm tỷ lệ tử vong ngẫu nhiên và bị thương nghiêm trọng phải có hiệu quả tương đương với các biện pháp mà Hoa Kỳ áp dụng cho nghề cá nội địa của họ để bảo vệ trữ lượng động vật biển có vú di cư hay sống tại lãnh hải Hoa Kỳ.
- Thực hiện các quy trình giám sát nghề cá XK nhằm ước tính số lượng động vật biển có vú bị chết và bị thương nghiêm trọng tại các ngư trường khai thác XK thuộc thẩm quyền của nước mình, cũng như ước tính tổng số động vật biển có vú bị tử vong ngẫu nhiên và bị thương nghiêm trọng tại vùng biển thuộc thẩm quyền của nước này do cả nghề cá XK của nước sở tại và nghề cá XK nước khác cùng nguồn lợi động vật biển có vú, và phải chỉ ra độ tin cậy trong các số liệu thống kê và ước tính này.
- Tính toán giới hạn nguồn lợi động vật biển có vú bị giết hoặc bị thương nghiêm trọng bởi nghề cá xuất khẩu do bị đánh bắt không chủ đích tại vùng biển chủ quyền.
  - So sánh tỷ lệ bị chết và bị thương nghiêm trọng của từng loài động vật biển có vú hay các nguồn lợi liên quan do tác động của nghề cá xuất khẩu với giới hạn khai thác không chủ đích đối với từng nguồn lợi; và so sánh tỷ lệ tử vong và bị thương nghiêm trọng của từng loài động vật có vú hay các nguồn lợi có liên quan đến nghề cá xuất khẩu và các nghề cá xuất khẩu khác của nước khai thác để chứng minh về các nghề cá xuất khẩu này:
    - Không vượt quá giới hạn khai thác không chủ đích đối với các nguồn lợi động vật biển có vú hay các nguồn lợi liên quan đến nghề cá xuất khẩu, hoặc:

- Vượt quá giới hạn khai thác không chủ đích đối với các nguồn lợi động vật biển có vú hay các nguồn lợi liên quan đến nghề cá xuất khẩu, nhưng tỷ lệ tử vong hay bị thương nghiêm trọng của các loài động vật biển có vú này ở mức nào ngành khai thác XK phải chịu trách nhiệm ở mức đó, nếu có nghề cá xuất khẩu khác cũng liên quan tới nguồn lợi động vật biển có vú này hay các nguồn lợi khác ở cùng mức độ, sẽ không dẫn đến việc cộng dồn số lượng các loài này bị chết hay bị thương nghiêm trọng vượt quá giới hạn bị đánh bắt không chủ đích đối của các loài để cập.

### **Các quy định đối với nghề cá xuất khẩu hoạt động trong vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) hoặc lãnh hải của nước khác?**

Đối với nghề cá xuất khẩu đang hoạt động trong khu vực quản lý của nước khác, cần phải có một chương trình kiểm soát hiệu quả tương đương với chương trình của Hoa Kỳ và bao gồm, hoặc đạt được kết quả tương đương như sau:

Đối với tất cả quần thể di cư có liên quan đến nghề cá xuất khẩu, mọi biện pháp nhằm giảm tỷ lệ chết ngẫu nhiên và bị thương nghiêm trọng mà Hoa Kỳ áp dụng cho nghề cá trong nước phải được áp dụng đối với các nguồn lợi di cư đó; và

Đối với các loài động vật biển có vú khác có liên quan tới nghề cá xuất khẩu hoạt động trong vùng quản lý của một nước, bất kỳ biện pháp nào nhằm giảm tỷ lệ chết ngẫu nhiên và bị thương nghiêm trọng mà Hoa Kỳ yêu cầu đối với nghề cá trong nước phải được áp dụng đối với các nguồn lợi động vật biển có vú đó; và

Đối với các nghề cá xuất khẩu không thuộc quản lý của tổ chức quản lý nghề cá khu vực:

- Việc đánh giá trữ lượng động vật biển có vú có liên quan đến nghề cá xuất khẩu, việc tính toán giới hạn khai thác không chủ đích đối với mỗi nguồn lợi, ước lượng tỷ lệ chết ngẫu nhiên và bị thương nghiêm trọng đối với mỗi nguồn lợi và giảm hoặc duy trì tỷ lệ chết ngẫu nhiên và bị thương nghiêm trọng của mỗi nguồn lợi dưới giới hạn khai thác không chủ đích. Dữ liệu này bao gồm số liệu do quốc gia nghề cá đó cung cấp hoặc từ các nguồn khác; và

- So sánh tỷ lệ chết ngẫu nhiên và bị thương nghiêm trọng của mỗi nguồn lợi động vật biển có vú hoặc các nguồn lợi khác có liên quan đến nghề cá xuất khẩu trong giới hạn khai thác không chủ đích đối với mỗi nguồn lợi; và so sánh tổng cộng tỷ lệ chết ngẫu nhiên và bị thương nghiêm trọng của mỗi nguồn lợi động vật biển có vú hay nguồn lợi khác có liên quan đến nghề cá xuất khẩu này hay bất kỳ nghề cá xuất khẩu nào khác của nước khai thác, để chứng minh các nghề cá xuất khẩu này không vượt quá giới hạn khai thác không chủ đích đối với nguồn lợi này; hoặc nếu tỷ lệ này vượt quá giới hạn khai thác không chủ đích của các nguồn lợi đó, nếu nghề cá xuất khẩu khác liên quan tới cùng nguồn lợi động vật biển có vú này hay các nguồn lợi liên quan ở cùng mức, thì sẽ không tính cộng dồn trong tỷ lệ chết ngẫu nhiên và bị thương nghiêm trọng vượt quá giới hạn khai thác không chủ đích của các nguồn lợi này;

### **Các yêu cầu đối với nghề cá xuất khẩu hoạt động tại vùng biển ngoài khơi?**

Đối với nghề cá xuất khẩu hoạt động ở vùng biển ngoài khơi thuộc thẩm quyền của nước khai thác hoặc quốc gia khác phải có chương trình kiểm soát hiệu quả tương đương với chương trình kiểm soát của Hoa Kỳ theo các yếu tố sau:

Thực hiện các biện pháp thu thập dữ liệu, bảo tồn và quản lý động vật biển có vú áp dụng đối với nghề khai thác này theo yêu cầu của bất kỳ hiệp định đa phương nào hoặc tổ chức quản lý nghề cá khu vực nào mà Hoa Kỳ là thành viên; và

Thực hiện đối với nghề cá xuất khẩu:

- Đối với bất kỳ nguồn lợi di cư nào liên quan tới nghề cá xuất khẩu, việc thực hiện bất kỳ biện pháp nào nhằm giảm tỷ lệ chết ngẫu nhiên và bị thương nghiêm trọng của các nguồn lợi này mà Hoa Kỳ yêu cầu đối với nghề cá trong nước của mình phải được áp dụng đối với nguồn lợi di cư đó; và

- Đối với các nguồn lợi động vật biển có vú có liên quan đến nghề cá xuất khẩu trong khi đang hoạt động

tại vùng biển ngoài khơi, việc thực hiện bất kỳ biện pháp nào để giảm tỷ lệ chết ngẫu nhiên và bị thương nghiêm trọng mà Hoa Kỳ yêu cầu đối với nghề cá trong nước của mình phải được áp dụng đối với nguồn lợi động vật biển có vú đó khi đang khai thác tại vùng biển ngoài khơi.

#### **Hoa Kỳ làm thế nào để tính giới hạn khai thác không chủ đích?**

Địa chỉ dưới đây cung cấp thông tin về việc tính giới hạn sinh học có khả năng loại bỏ (PBR) hay khoa học gọi là giới hạn khai thác không chủ đích: <http://www.nefsc.noaa.gov/psb/assessment/pbr.html>

#### **Tìm hiểu thêm thông tin về các chương trình kiểm soát của Hoa Kỳ:**

Các quy định chung về thực hiện MMPA có thể được tìm thấy tại <http://www.NOAA.Fisheries.noaa.gov/pr/interactions/>.

Link thông tin này bao gồm danh sách các nghề cá, áp dụng các nhóm quy định giảm thiểu và các quy định chung về đánh bắt không chủ định động vật biển có vú.

Các quy định thực thi đang áp dụng trong chương trình quản lý của Hoa Kỳ có tại: [http://www.ecfr.gov/cgi-bin/text-idx?tpl=/ecfrbrowse/Title50/50cfr229\\_main\\_02.tpl](http://www.ecfr.gov/cgi-bin/text-idx?tpl=/ecfrbrowse/Title50/50cfr229_main_02.tpl).

Các Báo cáo đánh giá trữ lượng thủy sản của NOAA có thể được tìm thấy tại link: <http://www.NOAA.Fisheries.noaa.gov/pr/sars/species.htm>. Những báo cáo này có số liệu động vật biển có vú và ước tính về đánh bắt không chủ định.

## **4. Quy định về chống gian lận thủy sản**

### **Gian lận thủy sản là gì?**

Gian lận thủy sản thực chất là gian lận kinh tế, do động cơ kinh tế, có thể xảy ra ở nhiều khâu trong chuỗi cung ứng thủy sản. Gian lận thủy sản xảy ra theo nhiều cách khác nhau, bao gồm ghi nhãn sai hoặc các hình thức tiếp thị lừa đảo khác đối với các sản phẩm thủy sản về chất lượng, số lượng, nguồn gốc xuất xứ hoặc trao đổi loài.

### **Các hình thức gian lận thủy sản**

Các nghiên cứu và điều tra đã phát hiện ra rằng nhiều loại gian lận thủy sản khác nhau được thực hiện trong các khâu của chuỗi cung ứng. Các hình thức gian lận bao gồm từ các hiểu lầm đơn giản hoặc thiếu thông tin đến lừa dối trắng trợn để tăng lợi nhuận và cố gắng rửa sạch nguồn gốc của thủy sản khai thác bất hợp pháp.

Các hình thức gian lận thủy sản bao gồm bất cứ hình thức nào xảy ra khi sản phẩm không đạt được các thông số kỹ thuật của sản phẩm đó như:

- Trao đổi loài- ví dụ: một sản phẩm thủy sản có giá trị cao được thay thế bằng một loài tương tự có giá trị thấp hơn mà không cần thông báo.
- Thiếu khối lượng - ví dụ: lượng mạ băng dư được bao gồm trong khối lượng tịnh của sản phẩm thủy sản để làm sai lệch khối lượng tổng thể có thể sử dụng của sản phẩm thủy sản được mua hoặc bán.
- Số lượng không chính xác - ví dụ: số lượng thủy sản có vỏ được bán không khớp với số lượng thủy sản được liệt kê trên nhãn, bao gói hoặc hóa đơn.
- Kích thước, kích cỡ gây hiểu lầm hoặc không chính xác – ví dụ: kích thước mỗi miếng thủy sản sai so với kích thước nêu trên biển báo hoặc trên nhãn sản phẩm khi các kích thước, kích cỡ của sản phẩm khác nhau có thể có giá bán khác nhau.
- Thêm nước thừa – ví dụ: nước được thêm vào sản phẩm, giống như mạ băng, để làm tăng khối lượng tịnh nhưng làm giảm chất lượng và không được nêu rõ trong chú giải thành phần.
- Không ghi nhãn chính xác đối với nguồn gốc xuất xứ - ví dụ: ghi nhãn nguồn gốc xuất xứ không tuân

theo các quy định của USDA, Hải quan hoặc FDA.

- Phụ gia không được khai báo - ví dụ: phụ gia được thêm vào sản phẩm thủy sản để làm tăng độ ẩm hoặc bảo quản sản phẩm nhưng không được công bố trên nhãn.
- Không tuân thủ các luật ghi nhãn khác – ví dụ: một sản phẩm cá hoặc động vật có vỏ được ghi nhãn với các tuyên bố gây hiểu lầm như tuyên bố về việc sử dụng phụ gia, phương pháp đánh bắt hoặc tính bền vững.

### **Cơ quan nào chịu trách nhiệm quản lý và kiểm soát các lĩnh vực trong gian lận thủy sản?**

Tại Hoa Kỳ, một số cơ quan có trách nhiệm giải quyết các lĩnh vực khác nhau của gian lận thủy sản.

#### **Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ**

FDA, với thẩm quyền được quy định tại Luật Liên bang về Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm, đang quản lý hầu hết các lĩnh vực của ngành thủy sản. FDA chịu trách nhiệm đối với các thủy sản trong Danh sách Hải sản của thuộc quyền quản lý của FDA, trong đó cung cấp các tên thị trường được chấp nhận cho thủy sản được phép nhập khẩu và bán tại thị trường Hoa Kỳ và Bách khoa toàn thư về cá theo quy định để giúp xác định các loài hải sản. FDA cũng thực hiện một chương trình kiểm tra cá bắt buộc đối với tất cả các nhà chế biến và bán lẻ thủy sản, cả trong nước và quốc tế, với các đợt kiểm tra định kỳ để đảm bảo tuân thủ.

FDA quản lý hầu hết các sản phẩm thủy sản, chỉ trừ các loại cá da trơn thuộc bộ Siluriformes. Quy định và kiểm tra Siluriformesis do Cơ quan Kiểm tra và An toàn Thực phẩm của USDA thực hiện, do được trao quyền bởi Bộ luật Nông trại (Farm Bills) năm 2008 và 2014.

#### **Cơ quan Thực thi luật NOAA**

Việc xác định xem hải sản có được dán nhãn chính xác hay không là điều khó khăn đối với người tiêu dùng mà còn đối với các chuyên gia. Với một bộ công cụ ngày càng tăng, từ thanh tra và điều tra tội phạm đến hệ thống truy xuất nguồn gốc và phân tích gen, các cơ quan quản lý và ngành công nghiệp đang ngăn chặn hành vi gian lận thủy sản.

Cùng với các đối tác tiểu bang và liên bang, Cơ quan Thực thi Luật NOAA điều hành các tàu đánh cá trên biển; kiểm tra các nhà máy chế biến cá; đánh giá việc bán các sản phẩm động vật hoang dã trên internet; tuần tra trên bộ, trên không và trên biển; và tiến hành các cuộc điều tra hình sự và dân sự phức tạp - tất cả đều để chống gian lận thủy sản.

Các nhân viên và nhân viên thực thi và Bộ Tư pháp Hoa Kỳ điều tra và truy tố các cáo buộc gian lận thủy sản chủ yếu theo Đạo luật Lacey, được khởi động khi ai đó khai thác, sở hữu, vận chuyển hoặc bán cá bất hợp pháp và sau đó tiến hành đưa sản phẩm bất hợp pháp đó vào các tiểu bang hoặc thương mại nước ngoài.

Đạo luật Lacey cũng quy định việc dán nhãn giả cho sản phẩm dành cho thương mại là bất hợp pháp. Với một số kết án của mình, Cơ quan Thực thi Luật NOAA giúp đảm bảo rằng thủy sản được thu hoạch và bán trên thị trường hợp pháp không bị cắt giảm bởi các sản phẩm dán nhãn sai, bảo vệ cá, doanh nghiệp trung thực và người tiêu dùng thủy sản

#### **Chương trình Kiểm tra Thủy sản Thủy sản của NOAA**

Là một bộ phận của Bộ Thương mại, Chương trình Kiểm tra Thủy sản Thủy sản của NOAA cung cấp dịch vụ kiểm tra tự nguyện, có thu phí cho các tàu đánh cá, nhà máy chế biến và nhà bán lẻ để đảm bảo tuân thủ tất cả các quy định về thủy sản, từ cá nguyên con đến các sản phẩm chế biến. Kiểm tra viên chịu trách nhiệm xác minh độ chính xác của nhãn, bao gồm quốc gia xuất xứ, trọng lượng tịnh và nhận dạng loài.

Các kiểm tra viên thủy sản của NOAA đã đánh giá khoảng 1/5 lượng thủy sản được tiêu thụ tại Hoa Kỳ hàng năm và phát hiện ra một số hành vi gian lận chiếm tới 40% tất cả các sản phẩm được nộp cho họ một cách tự nguyện. Các kiểm tra viên thông báo cho Cơ quan Thực thi Luật NOAA về hành vi nghi ngờ có gian lận để điều tra và phục vụ với tư cách là chuyên gia trong việc khởi tố các vụ án.

### *Các đơn vị khác*

Ghi nhãn xuất xứ được quản lý bởi Cục Tiếp thị Nông nghiệp thuộc USDA, Cơ quan Hải quan và Biên phòng Hoa Kỳ (CBP) và Tiêu chuẩn Sản xuất tại Hoa Kỳ (Made in the USA) của Ủy ban Thương mại Liên bang.

Các tiểu bang cũng có quyền lực pháp lý đối với khối lượng và các đơn vị đo lường phù hợp. Ngoài ra, luật pháp địa phương có thể được áp dụng trong một số trường hợp nhất định.



## **US Seafood Import Monitoring Program (SIMP)**



## IV. CÁC KHUYẾN NGHỊ CẦN THIẾT KHI XUẤT KHẨU THỦY SẢN SANG THỊ TRƯỜNG HOA KỲ

### 1. Khuyến nghị đối với các cơ quan quản lý nhà nước cấp trung ương

#### a. Về pháp lý

- Đẩy nhanh việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy và hướng dẫn thực thi các quy định về IUU và TXNG, đảm bảo vừa đáp ứng các quy định của các thị trường chính, các FTA mà Việt Nam đã ký kết vừa đảm bảo phù hợp với thực tiễn Việt Nam và hướng đến phát triển bền vững.
- Sớm hoàn thành việc cấp mã số nhận diện cho các trại nuôi thủy sản thương phẩm trên phạm vi cả nước
- Ưu tiên và đẩy nhanh việc hoàn thiện khung cơ sở dữ liệu quốc gia VNFISHBASE; phê duyệt Dự án Hệ thống thông tin quản lý nghề cá trên biển giai đoạn II để giám sát các tàu cá khai thác hải sản trên các vùng biển, chống khai thác IUU;
- Tăng cường nguồn lực, cơ sở vật chất và hướng dẫn nghiệp vụ cho Ban Quản lý các Cảng cá để thực hiện được tốt nhất việc xác nhận hải sản khai thác ngay từ khi tiếp nhận.
- Rà soát, sửa đổi các chính sách hiện hành, các quy định để siết chặt công tác quản lý; bổ sung các chế tài để xử lý nghiêm các hành vi vi phạm đối với chủ tàu, thuyền trưởng và tổ chức, cá nhân môi giới đưa tàu cá và ngư dân đi khai thác thủy sản trái phép ở vùng biển nước ngoài; tăng cường thực thi pháp luật trong quản lý khai thác thủy sản để ngăn chặn, giảm thiểu tàu cá và ngư dân vi phạm.
- Tăng cường đàm phán, ký kết các thỏa thuận hợp tác về phòng chống khai thác IUU với các quốc gia, vùng lãnh thổ và các quốc đảo khu vực Thái Bình Dương và tổ chức cho ngư dân đi khai thác thủy sản hợp pháp ở một số nước, thiết lập đường dây nóng chống đánh bắt bất hợp pháp, tuần tra chung với các nước có biển liên quan.
- Có chủ trương và chính sách nhất quán hỗ trợ các ngư dân ghi chép nhật ký khai thác bằng công cụ điện tử, các hộ nông dân, các trang trại, hợp tác xã nông nghiệp thực hiện truy xuất nguồn gốc, ghi chép nhật ký sản xuất bằng các công cụ điện tử thông qua việc đào tạo và hỗ trợ kinh phí thực hiện ít nhất trong thời gian một năm đầu tiên.

#### b. Về thực thi

- Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu, cập nhật thường xuyên các quy định pháp luật, các hàng rào thuế quan và phi thuế quan, hàng rào kỹ thuật, các thông tin về thị trường, và các cam kết quốc tế của Hoa Kỳ nói riêng và các thị trường nhập khẩu thủy sản chính nói chung.
- Đẩy nhanh tiến độ tiến tới sớm hoàn thành việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình cho tất cả các tàu cá có chiều dài thân tàu từ 15m trở lên.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu giám sát hoạt động tàu cá (VMS) để chia sẻ cơ sở dữ liệu giữa Tổng cục Thủy sản và 28 tỉnh, thành phố ven biển, các Ban Quản lý cảng cá, các cơ quan chức năng có liên quan.
- Lực lượng Kiểm ngư phối hợp với các lực lượng thực thi pháp luật trên biển (Lực lượng Hải quân, Biên phòng, Cảnh sát biển, Thanh tra chuyên ngành thủy sản, ...) tăng cường tuần tra, kiểm tra, kiểm soát và thanh tra hoạt động tàu cá khai thác hải sản trên biển và tại cảng cá, phát hiện, ngăn chặn kịp thời tàu cá, ngư dân Việt Nam vi phạm vùng biển nước ngoài và tàu cá, ngư dân nước ngoài vi phạm vùng biển Việt Nam, phát hiện, đề xuất xử lý nghiêm các hành vi môi giới, đầu tư cho tàu cá, ngư dân vi phạm vùng biển nước ngoài, chuộc tàu cá, ngư dân về nước trái phép.
- Lực lượng công an tăng cường nắm tình hình, kịp thời phát hiện, điều tra, xử lý nghiêm các trường hợp tổ chức đưa tàu cá và ngư dân ra nước ngoài khai thác hải sản trái pháp luật hoặc môi giới chuộc tàu cá, ngư dân bị nước ngoài bắt giữ về nước trái phép, quản lý chặt chẽ số ngư dân được nước ngoài trả về, phát hiện và xử lý các trường hợp bị nước ngoài hoặc các thế lực thù địch tác động, mua chuộc, lôi kéo hoạt động

động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

- Bộ Ngoại giao và các Thương vụ Việt Nam tại khu vực EU đẩy mạnh vận động ngoại giao, tăng cường tiếp xúc, trao đổi, làm việc với Tổng vụ các vấn đề về biển và thủy sản của EC (DG-MARE) để tác động với EU sớm gỡ bỏ biện pháp cảnh báo thẻ vàng đối với sản phẩm hải sản của Việt Nam xuất khẩu sang EU
- Bộ Ngoại giao trao đổi với các nước liên quan bảo hộ ngư dân xử lý trên tinh thần nhân đạo, theo thông lệ quốc tế đối với tàu cá và ngư dân Việt Nam vi phạm vùng biển nước ngoài, kiên quyết đấu tranh với các nước bắt giữ trái phép tàu cá và ngư dân Việt Nam trên vùng biển Việt Nam, vùng biển chồng lấn chưa phân định giữa Việt Nam và các nước.
- Bộ NNPTNT công bố trữ lượng nguồn lợi hải sản và tổ chức lại đội tàu khai thác hải sản trên các vùng biển phù hợp với khả năng khai thác cho phép của nguồn lợi.
- Triển khai, thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu nghề cá Việt Nam (VNFISHBASE) theo hướng tích hợp các thông tin về đăng ký tàu cá, giấy phép khai thác, nhật ký khai thác và sản lượng lên bến để quản lý nghề cá và truy xuất nguồn gốc sản phẩm khai thác.
- Lực lượng Biên phòng phối hợp với Thanh tra chuyên ngành thủy sản thường trực tại các cảng cá để tổ chức kiểm tra, kiểm soát tàu cá và thuyền viên ra vào cảng cá;
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức các đoàn đàm phán, đối thoại với EC; bảo đảm cung cấp, tiếp nhận thông tin đầy đủ, kịp thời trong việc triển khai thực hiện các khuyến nghị của EC về khai thác IUU.
- Phụ gia không được khai báo – ví dụ: phụ gia được thêm vào sản phẩm thủy sản để làm tăng độ ẩm hoặc bảo quản sản phẩm nhưng không được công bố trên nhãn.
- Không tuân thủ các luật ghi nhãn khác – ví dụ: một sản phẩm cá hoặc động vật có vỏ được ghi nhãn với các tuyên bố gây hiểu lầm như tuyên bố về việc sử dụng phụ gia, phương pháp đánh bắt hoặc tính bền vững.

### **c. Về tuyên truyền**

- Các bộ, ngành, địa phương tích cực phối hợp với các Hội, Hiệp hội ngành hàng các cơ quan thông tấn, báo chí, Ban Quản lý các cảng cá tổ chức các hoạt động tuyên truyền (trên các phương tiện thông tin đại chúng như truyền hình, truyền thanh, báo chí và hệ thống thông tin cơ sở, phát sổ tay hướng dẫn, tờ rơi về IUU,...), các lớp tập huấn tuyên truyền, phổ biến cho tổ chức, cá nhân liên quan về nỗ lực, giải pháp của Việt Nam về khắc phục IUU và kết quả khắc phục của Việt Nam, các quy định pháp luật về thủy sản của Việt Nam, quốc tế và các nước tại các địa bàn trọng điểm thường xuyên có tàu cá và ngư dân vi phạm.
- Tổ chức các Hội nghị hướng dẫn địa phương (Chi cục Thủy sản, Ban Quản lý cảng cá, Biên phòng, Thanh tra thủy sản,...) về các giải pháp cấp bách có tính kỹ thuật để kiểm soát hoạt động thủy sản tại cảng (tàu ra vào cảng, ghi chép nhật ký khai thác, sử dụng dữ liệu giám sát hành trình, cấp chứng nhận khai thác).
- Các Bộ ngành cùng phối hợp để cung cấp thông tin về kết quả điều tra, xử lý một số vụ việc điển hình về môi giới, đầu tư cho tàu cá ngư dân vi phạm vùng biển nước ngoài nhằm mục đích răn đe, giáo dục, đề cao cảnh giác.
- Tổ chức các chương trình tập huấn cho doanh nghiệp, cơ sở sơ chế, thu gom về các quy định và cách thực thi các quy định về chống gian lận thủy sản, Chương trình SIMP, Đạo luật MMPA, các quy định về IUU của FAO cũng như của Việt Nam.
- Có cơ chế chính sách hỗ trợ đào tạo và chi phí ban đầu cho các hộ sản xuất nhỏ, các trại nuôi, trại giống, đại lý nguyên liệu, các doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực thủy sản thực hiện các chương trình TXNG.
- Có chính sách khuyến khích các chuỗi cung ứng thủy sản và các bên liên quan cùng hợp tác xây dựng và phát triển các hệ thống TXNG thống nhất xuyên suốt trong toàn chuỗi cũng như khuyến khích việc cấp chứng nhận TXNG cho thủy sản và sản phẩm thủy sản theo chuỗi.

## 2. Khuyến nghị đối với các cơ quan quản lý nhà nước địa phương

### a. Về thực thi

- Tăng cường hoạt động tuần tra, kiểm tra, kiểm soát và thanh tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm khai thác IUU theo quy định của pháp luật, đặc biệt là các chủ tàu, thuyền trưởng có hành vi đưa tàu cá đi khai thác trái phép ở vùng biển thuộc quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác, trong đó tước quyền sử dụng giấy phép khai thác thủy sản vĩnh viễn; xử lý hình sự đối với chủ tàu, thuyền trưởng tái phạm; các tổ chức, cá nhân môi giới đưa tàu cá và ngư dân đi khai thác hải sản bất hợp pháp ở nước ngoài.

- Kiên quyết không cấp giấy phép khai thác thủy sản, không cho đóng mới đối với chủ tàu có tàu cá tái phạm; tàu cá bị bắt giữ chuộc, thả hoặc trốn về nước tạm dừng chuyển quyền sở hữu và tước quyền giấy phép khai thác thủy sản trong vòng 6 tháng; tàu cá vi phạm không được hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

- Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng công an, biên phòng, hải quân, kiểm ngư để theo dõi, điều tra, xử lý nghiêm các hành vi môi giới, đầu tư cho tàu cá, ngư dân vi phạm vùng biển nước ngoài; chuộc tàu cá, ngư dân về nước trái phép.

- Giám sát và quản lý chặt chẽ để đảm bảo các tàu cá khai thác hải sản xa bờ phải thực hiện ghi nhật ký khai thác, báo cáo khai thác, lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và bật thiết bị 24/24 giờ theo quy định của pháp luật. Tổ chức tốt công tác truy xuất nguồn gốc hải sản khai thác; kiểm tra, kiểm soát, xử lý nghiêm việc khai thác, tiêu thụ, chế biến hải sản quý hiếm trái phép.

- Lập danh sách quản lý chặt chẽ, tổ chức kiểm điểm chủ tàu, thuyền trưởng, ngư dân vi phạm bị nước ngoài bắt giữ để các cơ quan chức năng xử lý trước cộng đồng địa phương.

- Đặc biệt quan tâm đến quản lý các đại lý nguyên liệu hoạt động trên địa bàn, triển khai các khóa đào tạo kiến thức ATTP, TXNG và thực thi các quy định về IUU cho các đối tượng này.

- Triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu nghề cá theo hướng tích hợp các thông tin về tàu thuyền, hoạt động khai thác, lao động, sản lượng lên bến, đăng ký, cấp phép tàu cá tại địa phương.

- Thúc đẩy các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thủy sản và các ngành dịch vụ phụ trợ tham gia liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị ngành hàng (liên kết dọc) nhằm nâng cao giá trị gia tăng trên cơ sở khai thác và sử dụng hợp lý nguồn lợi tự nhiên, tiềm năng diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản ở địa phương gắn với các hoạt động chống khai thác IUU, bảo vệ môi trường sinh thái và thực hiện TXNG để đưa ngành thủy sản tại địa phương hướng tới phát triển bền vững.

- Báo cáo định kỳ hàng tuần với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn danh sách các tàu cá vi phạm khai thác IUU; đồng thời công bố danh sách này trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

### b. Về tuyên truyền

- Tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền về Luật Thủy sản 2017 và chống khai thác IUU trên báo, đài và hệ thống thông tin cơ sở tại địa phương, phát các phát sổ tay hướng dẫn, tờ rơi, thông báo về IUU tới tận các tàu cá, cơ sở dịch vụ hậu cần, cơ sở thu mua, doanh nghiệp chế biến về các thực thi và tuân thủ quy định về IUU của Việt Nam và quốc tế.

- Tổ chức tập huấn nhằm nâng cao năng lực tuân thủ pháp luật của chủ tàu, ngư dân, thuyền trưởng, chủ cơ sở dịch vụ hậu cần khai thác thủy sản trái luật tại các vùng biển nước ngoài.

- Bộ Ngoại giao và các Thương vụ Việt Nam tại khu vực EU đẩy mạnh vận động ngoại giao, tăng cường tiếp xúc, trao đổi, làm việc với Tổng vụ các vấn đề về biển và thủy sản của EC (DG-MARE) để tác động với EU sớm gỡ bỏ biện pháp cảnh báo thẻ vàng đối với sản phẩm hải sản của Việt Nam xuất khẩu sang EU

### 3. Khuyến nghị đối với các và Ban Quản lý cảng cá

#### a. Về thực thi

- Rà soát lại cơ cấu tổ chức, tổ chức đào tạo để đảm bảo số lượng cán bộ quản lý cảng cá vừa gọn nhẹ, vừa hiệu quả đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.
- Kiểm soát chặt chẽ tàu cá khi xuất, nhập bến; kiên quyết không cho ra khơi khi chưa đủ các thủ tục, giấy tờ, các trang thiết bị theo quy định.
- Đảm bảo hoạt động truy xuất nguồn gốc tại cảng đáp ứng yêu cầu của quốc tế cũng như yêu cầu quản lý nghề khai thác theo hướng có trách nhiệm và phát triển bền vững.
- Cử cán bộ giám sát chặt chẽ các tàu khi cập bến cũng như khi lên cá để đảm bảo các tàu cung cấp được đầy đủ nhật ký chuyển biển các giấy tờ cần thiết của từng chuyến biển cũng như giám sát được sản lượng, chủng loại thủy sản lên bến của từng tàu theo đúng quy định của pháp luật để cấp giấy xác nhận nguồn gốc sản phẩm thủy sản khai thác.
- Phải cập nhật dữ liệu hành trình vào phần mềm quản lý, dữ liệu này sẽ được kết nối với Chi cục thủy sản của tỉnh cũng như là Tổng Cục thủy sản.
- Phải cập nhật số liệu thống kê về tàu cá cập bến, nhật ký khai thác, sản lượng hải sản lên bến của từng tàu vào phần mềm cơ sở dữ liệu nghề cá VNFISHBASE theo đúng quy định của pháp luật.
- Kiên quyết từ chối cho bốc dỡ sản phẩm đối với các tàu cá khai thác trái phép có trong danh sách tàu khai thác hải sản bất hợp pháp (blue boat).

#### b. Về hợp tác

- Phối hợp với Tổng cục Thủy sản, Các Chi cục Thủy sản, các Hội, Hiệp hội liên quan để tổ chức các lớp tập huấn cho các chủ tàu, thuyền trưởng, ngư dân, chủ và nhân viên các cơ sở dịch vụ thủy sản, thu gom thủy sản tại cảng về nỗ lực, giải pháp của Việt Nam về khắc phục IUU, các quy định pháp luật về thủy sản của Việt Nam, Hoa Kỳ, cũng như các quốc gia khác.
- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tấn, báo chí, các Chi cục Thủy sản, các Hội, Hiệp hội liên quan để xây dựng và tổ chức các hoạt động tuyên truyền (trên các phương tiện thông tin đại chúng như truyền hình, truyền thanh, báo chí và hệ thống thông tin cơ sở, phát phát sổ tay hướng dẫn, tờ rơi về IUU, TXNG, ATTP...) nhằm phổ biến cho tổ chức, cá nhân liên quan về các thông tin, quy định về IUU của Việt Nam và quốc tế, tuyên truyền để ngư dân hiểu và không vi phạm việc khai thác thủy sản trái phép tại các vùng biển nước ngoài.

### 4. Khuyến nghị đối với doanh nghiệp chế biến

#### a. Về cam kết

- Tuân thủ nghiêm các quy định của Nhà nước và Bộ NNPTNT về chống khai thác IUU;
- Tìm hiểu để nắm rõ các quy định về thông tin bắt buộc trong các quy định về chống khai thác IUU và ATTP của Hoa Kỳ nói riêng, các thị trường nhập khẩu nói chung, đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất và tự xây dựng hệ thống quản lý ATTP cho doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu về ATTP, TXNG và IUU của Việt Nam, các thị trường nhập khẩu và của khách hàng..
- Không thu mua nguyên liệu, sản xuất từ nguyên liệu hải sản của các tàu khai thác IUU. Cam kết và chịu trách nhiệm về khai báo số liệu của công ty khi đăng ký Xác nhận nguyên liệu và C/C;
- Báo cáo cho Tổ Công tác và các cơ quan của Bộ NN&PTNT khi phát hiện các tàu khai thác IUU, hoặc các cơ sở thu mua, DN sử dụng nguyên liệu khai thác IUU.
- Chủ động đào tạo, nâng cao nhận thức cho đội ngũ nhân viên của doanh nghiệp và của các đối tác

liên quan trong chuỗi sản xuất của mình về mục đích, tầm quan trọng, các luật lệ của Việt Nam và thị trường cũng như các kỹ năng thực thi trong đảm bảo ATTP, TXNG và chống khai thác IUU, có chính sách khuyến khích và kiểm soát việc ghi chép điện tử nhật ký sản xuất trên hệ thống quản lý ATTP của doanh nghiệp.

#### **b. Về hợp tác**

- Tích cực tham gia góp ý các dự thảo của các văn bản pháp quy, tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan đến IUU, TXNG và ATTP với các cơ quan Quản lý Nhà nước và các Hiệp hội ngành hàng.
- Cung cấp trung thực và đầy đủ thông tin (sản lượng, chủng loại thủy sản khai thác đã mua, các tàu cá bán nguyên liệu cho doanh nghiệp,...) cho cán bộ các Chi cục Thủy sản, Trung tâm Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản khi làm thủ tục mua nguyên liệu và xuất hàng theo đúng quy định của pháp luật.
- Thông tin cho các đối tác đồng thời tuyên truyền và vận động trực tiếp các chủ tàu, thuyền trưởng, ngư dân, chủ đại lý thu gom nguyên liệu không khai thác IUU hay mua bán nguyên liệu từ các tàu vi phạm quy định IUU, đồng thời tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn cho các chủ tàu về ghi chép, thực hiện các quy định và các mẫu biểu, cam kết của Hoa Kỳ về IUU.
- Tăng cường trao đổi thông tin với các nhà NK để nắm bắt diễn biến thị trường, những yêu cầu và thủ tục của thị trường để chia sẻ, trao đổi tìm giải pháp ứng phó kịp thời.
- Tổ chức các hoạt động hỗ trợ tín dụng cho các hợp tác xã/ trang trại trong chuỗi cung ứng nguyên liệu để cải tiến, nâng cấp các cơ sở để đáp ứng các yêu cầu của các quy chuẩn, văn bản pháp quy của Việt Nam về ATTP và IUU cũng như tuân thủ đúng các quy định về TXNG.
- Chủ động tham gia vào các hiệp hội, hội ngành hàng để có thể nhận được sự hỗ trợ về thông tin và các chương trình ATTP, TXNG, chống khai thác IUU cũng như các vấn đề khác liên quan đến kỹ thuật và các yêu cầu mới của thị trường.

### **3. Khuyến nghị đối với các và Ban Quản lý cảng cá**

#### **a. Về tuân thủ**

- Không vi phạm 14 hành vi coi là vi phạm khai thác thủy sản bất hợp pháp được quy định trong điều 60 Luật Thủy sản 2017.
- Các tàu cá cần thực hiện ghi nhật ký khai thác, báo cáo khai thác đầy đủ tại tất cả các chuyến biển.
- Các chủ tàu xa bờ cần lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và các tàu cá khi ra khơi cần bật thiết bị 24/24 giờ, ghi chép Nhật ký khai thác đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.
- Các tàu cá nắm được các quy định của Việt Nam và quốc tế về IUU và không vi phạm việc khai thác thủy sản trái phép tại vùng biển Việt Nam cũng như các vùng biển nước ngoài.

#### **b. Về hợp tác**

- Cung cấp đầy đủ thông tin (giấy phép khai thác, giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của tàu cá, nhật ký khai thác,...) cho cán bộ giám sát của Ban Quản lý cảng cá, các cơ sở thu gom thủy sản, doanh nghiệp chế biến thủy sản mua hàng của tàu theo đúng quy định của pháp luật.
- Báo cáo trung thực về sản lượng, địa điểm khai thác qua hệ thống xác nhận, chứng nhận thủy sản khai thác.
- Tăng cường nắm bắt thông tin truyền thông về IUU và các quy định khai thác thủy sản trên các kênh Truyền thanh, truyền hình, tờ rơi...
- Các trại nuôi, trại giống nhỏ lẻ cần liên kết xây dựng, tham gia các Hợp tác xã để có điều kiện tham gia các chứng nhận tự nguyện theo các tiêu chuẩn bền vững và được hỗ trợ thực hiện hệ thống truy xuất nguồn gốc để tiết kiệm được chi phí áp dụng, triển khai và duy trì.

## V. GIỚI THIỆU VỀ CÁC CƠ QUAN KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA HOA KỲ VỀ CHỐNG KHAI THÁC IUU VÀ GIAN LẬN THỦY SẢN

### 1. Cơ quan quản lý Khí quyển và Đại dương Hoa Kỳ (NOAA)

Website: <https://www.noaa.gov/>

Cơ quan Quản lý Khí quyển và Đại dương Hoa Kỳ (NOAA là một cơ quan khoa học của Mỹ thuộc Bộ Thương mại Hoa Kỳ, chuyên tập trung các vấn đề về của đại dương và khí quyển. NOAA cảnh báo thời tiết, lập biểu đồ biển, hướng dẫn sử dụng và bảo vệ tài nguyên đại dương và ven biển, đồng thời tiến hành nghiên cứu nhằm cung cấp sự hiểu biết và cải thiện khả năng quản lý môi trường.

Các vai trò cụ thể của NOAA:

- Cung cấp Sản phẩm Thông tin Môi trường. NOAA cung cấp cho khách hàng và đối tác của mình thông tin liên quan đến tình trạng của đại dương và khí quyển.

- Cung cấp Dịch vụ Quản lý Môi trường. Phối hợp với chính quyền liên bang, tiểu bang, địa phương và quốc tế, NOAA quản lý việc sử dụng các môi trường biển, điều chỉnh nghề cá và các khu bảo tồn biển cũng như bảo vệ các loài sinh vật biển bị đe dọa và có nguy cơ tuyệt chủng.

- Thực hiện Nghiên cứu Khoa học Ứng dụng, trở thành một nguồn cung cấp thông tin khoa học chính xác và khách quan trong 4 lĩnh vực cụ thể có tầm quan trọng quốc gia và toàn cầu được xác định ở trên: hệ sinh thái, khí hậu, thời tiết và nước, thương mại và giao thông vận tải.

### 2. Cơ quan quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA)

Website <https://www.fda.gov/>

Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) là cơ quan bảo vệ người tiêu dùng toàn diện và lâu đời nhất trong chính phủ liên bang Hoa Kỳ.

FDA chịu trách nhiệm bảo vệ sức khỏe cộng đồng bằng cách đảm bảo tính an toàn, hiệu quả và an ninh của thuốc, chế phẩm sinh học và thiết bị y tế cho người và thú y; và bằng cách đảm bảo sự an toàn của nguồn cung cấp thực phẩm, mỹ phẩm và các sản phẩm phát ra bức xạ của quốc gia.

### 3. Cơ quan Hải quan và Biên phòng (CBP)

Website: <https://www.cbp.gov/>

Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên phòng Hoa Kỳ (CBP) là cơ quan thực thi pháp luật liên bang lớn nhất của Bộ An ninh Nội địa Hoa Kỳ, và là tổ chức kiểm soát biên giới chính của đất nước. CBP chịu trách nhiệm điều chỉnh và tạo thuận lợi cho thương mại quốc tế, thu thuế nhập khẩu và thực thi các quy định của Hoa Kỳ, bao gồm cả thương mại, hải quan và nhập cư. CBP có trụ sở chính tại Washington, D.C.



## II. THÔNG TIN HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

### 1. Địa chỉ, thông tin liên hệ và các trang web chính thức của các đơn vị có liên quan:

#### 1.1. Các Bộ Ngành liên quan

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Bộ Công Thương

#### 1.2. Các cơ quan Quản lý Nhà nước dưới Bộ

Tổng cục Thủy sản

Cục Quản lý Nông lâm sản và thủy sản

#### 1.3. Các Hiệp hội liên quan

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam

<http://www.vasep.com.vn/>

### 2. Các đường dẫn chiếu tài liệu tham khảo của Việt Nam, Hoa Kỳ, FAO:

#### 2.1. Việt Nam:

Cổng thông tin Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP):

<http://www.vasep.com.vn/>

<http://www.vasep.com.vn/chong-khai-thac-iuu/quy-dinh-cua-my>

<http://www.vasep.com.vn/chong-khai-thac-iuu/quy-dinh-cua-viet-nam>

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn:

<https://www.mard.gov.vn/VanBan/Pages/he-thong-van-ban.aspx>

Tổng cục Thủy sản:

<https://tongcucthuysan.gov.vn/vi-vn/H%E1%BB%87-th%E1%BB%91ng-v%C4%83n-b%E1%BA%A3n>

Cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Nafiqad) - Quy định thị trường Hoa Kỳ:

[http://www.nafiqad.gov.vn/hoa-ky\\_t229c321](http://www.nafiqad.gov.vn/hoa-ky_t229c321)

#### 2.2. Hoa Kỳ (FDA, NOAA, CBP)

Cổng thông tin về chống khai thác IUU và gian lận thương mại: <https://www.iuufishing.noaa.gov/>

Chương trình giám sát nhập khẩu thủy sản (SIMP)

<https://www.iuufishing.noaa.gov/RecommendationsandActions/RECOMMENDATION1415/FinalRuleTraceability.aspx>

Quy định và hướng dẫn thực hiện Đạo luật Bảo vệ động vật biển có vú:

<https://www.fisheries.noaa.gov/national/marine-mammal-protection/marine-mammal-protection-act-policies-guidance-and-regulations>

Đạo luật Magnuson Steven:

<https://www.fisheries.noaa.gov/topic/laws-policies#magnuson-stevens-act>

#### 2.3. FAO

Khai thác thủy sản IUU:

<http://www.fao.org/iuu-fishing/background/what-is-iuu-fishing/en/>

Hiệp định các quốc gia có cảng:

<http://www.fao.org/port-state-measures/en/>

Quy tắc ứng xử cho nghề cá có trách nhiệm:

<http://www.fao.org/resilience/resources/resources-detail/en/c/273397/#:~:text=This%20Code%20sets%20out%20principles,for%20the%20ecosystem%20and%20biodiversity>

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

**1. Báo cáo của NOAA gửi Quốc hội năm 2019 về Cải thiện quản lý nghề cá quốc tế** “Improving International Fisheries Management- 2019 Report to Congress”

**2. Dữ liệu thống kê nhập khẩu thủy sản Hoa Kỳ:**

<https://apps.fas.usda.gov/gats/default.aspx>

**3. Dữ liệu thống kê xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang Hoa kỳ**

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam: [vasep.com.vn](http://vasep.com.vn)



## PHỤ LỤC

### Các thủ tục về An toàn thực phẩm và ghi nhãn mà Doanh nghiệp XK thủy sản vào Hoa Kỳ cần biết

#### I. Đăng ký cơ sở thực phẩm (Food Facility Registration)

##### 1. Đăng ký cơ sở thực phẩm là gì?

Đăng ký cơ sở thực phẩm với FDA là quy định do FDA ban hành nhằm thực hiện Luật An ninh Y tế và Sẵn sàng Đối phó với Khủng bố Sinh học năm 2002 (gọi tắt là Luật chống khủng bố sinh học) và Luật Hiện đại hoá An toàn Thực phẩm của Hoa Kỳ (FSMA). Theo các quy định này, tất cả các nhà sản xuất thực phẩm (kể cả dùng cho con người và động vật), đồ uống, thực phẩm bổ sung, phụ gia thực phẩm và nguyên liệu được phân phối tại Hoa Kỳ bắt buộc phải đăng ký cơ sở sản xuất với FDA để được cấp mã số cơ sở thực phẩm.

Luật FSMA ban hành ngày 4/1/2011, sửa đổi Mục 415 của Luật Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm Liên bang (FD & C Act), yêu cầu các cơ sở sản xuất, chế biến, đóng gói hoặc lưu trữ thực phẩm để tiêu thụ tại Hoa Kỳ nộp các thông tin đăng ký bổ sung cho FDA, bao gồm cam kết rằng FDA sẽ được phép kiểm tra cơ sở vào các thời điểm và theo cách thức theo quy định của Đạo luật FD & C. Mục 415 của Đạo luật FD & C, được sửa đổi bởi Luật FSMA, cũng yêu cầu cơ sở thực phẩm bắt buộc phải đăng ký với FDA để gia hạn đăng ký hai năm một lần và cung cấp cho FDA quyền đình chỉ việc đăng ký cơ sở thực phẩm trong một số trường hợp nhất định.

Cùng với việc đăng ký FFR, doanh nghiệp phải cam kết cho phép FDA thanh tra cơ sở sản xuất của mình. Đồng thời, FDA cũng có quyền đình chỉ cơ sở đăng ký nếu có cơ sở tin rằng sản phẩm của cơ sở đăng ký có nguy cơ gây ra ảnh hưởng bất lợi đến sức khoẻ hoặc gây tử vong cho người và động vật.

##### 2. Ai phải đăng ký FDA?

Nếu cơ sở của bạn đang hoạt động trong hoặc ngoài Hoa Kỳ và có tham gia vào việc sản xuất, chế biến, đóng gói, lưu giữ thực phẩm cho người và động vật tiêu thụ tại Hoa Kỳ thì đều phải đăng ký với FDA, trừ một số trường hợp được miễn đăng ký. Các cơ sở tại Hoa Kỳ bắt buộc phải đăng ký với FDA cho dù sản phẩm thực phẩm của họ có lưu thông trên thị trường liên bang hay không.

Các cơ sở làm hàng thực phẩm xuất khẩu của Việt Nam (bao gồm các cơ sở sản xuất, chế biến, đóng gói hoặc lưu kho hàng thực phẩm để tiêu thụ tại thị trường Hoa Kỳ) sẽ không phải làm thủ tục đăng ký nếu hàng thực phẩm đó trước khi xuất khẩu vào Hoa Kỳ tiếp tục được chế biến (bao gồm cả đóng gói) tại một cơ sở khác tại nước ngoài. Tuy nhiên, nếu cơ sở khác tại nước ngoài chỉ đóng vai trò rất nhỏ trong việc tạo ra sản phẩm cuối cùng như chỉ dán nhãn sản phẩm thì cả hai cơ sở trong nước và nước ngoài đều phải làm thủ tục đăng ký.

##### 3. Những trường hợp nào được miễn đăng ký với FDA?

Các trang trại sản xuất sản phẩm nông nghiệp thô chưa qua chế biến, cơ sở bán lẻ thực phẩm, nhà hàng, cơ sở thực phẩm phi lợi nhuận, tàu đánh cá, các cơ sở bị điều chỉnh bởi các quy định đặc thù của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA).

##### 4. Khi nào phải đăng ký với FDA?

Nếu cơ sở của bạn thuộc đối tượng phải đăng ký với FDA thì cơ sở của bạn phải đăng ký cơ sở trước khi tham gia vào hoạt động sản xuất, chế biến, đóng gói, lưu giữ thực phẩm để tiêu thụ tại thị trường Hoa Kỳ.

##### 5. Khi nào cơ sở thuộc diện phải đăng ký với FDA phải gia hạn đăng ký FDA?

Theo quy định tại Phần 405 Luật Liên bang về Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm của Hoa Kỳ thì vào mỗi năm chẵn, bắt đầu từ ngày 1/10 đến 31/12, các cơ sở thực phẩm phải đăng ký gia hạn số đăng ký cơ sở thực phẩm (FFR#) với FDA. Khi gia hạn đăng ký, cơ sở vẫn duy trì số đăng ký đã được cấp trước đó.

Nếu cơ sở không gia hạn đăng ký vào mỗi năm chẵn thì số đăng ký cơ sở đã đăng ký bị xem là hết hiệu lực (theo 21 CFR 1.241(b)) và được xem như là không thực hiện việc đăng ký theo quy định tại phần 415 (21 CFR 1.241(b)), và do đó, đây là hành vi bị cấm theo quy định tại Phần 301(dd) of the FD&C Act (21 U.S.C. 331(dd)).

Thực tế, nếu cơ sở không đăng ký gia hạn trong thời hạn quy định thì tài khoản đăng ký sẽ bị loại khỏi hệ thống của FDA, các mã số đăng ký khác gắn liền với mã số FFR (như mã FCE, SID...) cũng vô hiệu theo. Hậu quả là cơ sở đó gặp nhiều khó khăn, trở ngại khi xuất khẩu vào Hoa Kỳ, nếu không muốn nói là không thể xuất khẩu hàng vào Hoa Kỳ. Cụ thể, khi không có mã số FFR cơ sở không thể đáp ứng các yêu cầu bắt buộc của FDA khi xuất khẩu vào Hoa Kỳ như thực hiện Thông báo trước (Prior Notice), số FCE (số đăng ký cơ sở thực phẩm đóng hộp), số SID (mã số quy trình sản xuất sản phẩm đóng hộp) bị vô hiệu... Trong trường hợp, hàng hoá đã đến Hoa Kỳ thì hàng hoá sẽ bị lưu giữ lại tại cảng và cơ sở đó buộc phải thực hiện nhiều thủ tục, tốn nhiều thời gian và chi phí, bao gồm các khoản phạt, chi phí lưu kho và chi phí luật sư... để hỗ trợ giải quyết thông quan cho hàng hoá.

## 6. Cách đăng ký cho cơ sở thực phẩm

Doanh nghiệp có thể đăng ký FDA với Cục quản lý thực phẩm và dược phẩm Hoa Kỳ bằng các phương thức sau:

- Đăng ký FDA bằng cách đường thư tín hoặc fax: Doanh nghiệp sẽ cách điền thông tin theo mẫu quy định và gửi cho FDA qua thư tín và fax. Theo đó, FDA sẽ nhập dữ liệu đăng ký FDA của doanh nghiệp vào hệ thống đăng ký FDA;
- Đăng ký FDA bằng cách đăng ký online: doanh nghiệp sẽ truy cập vào hệ thống đăng ký FDA online và thực hiện các bước đăng ký FDA theo trình tự của hệ thống đăng ký FDA.

Tuy nhiên, FDA khuyến khích doanh nghiệp đăng ký số cơ sở thực phẩm FDA online bởi việc đăng ký số FDA online sẽ nhanh chóng và tiện lợi hơn cho doanh nghiệp và cả FDA. Đối với mặt hàng là thực phẩm, sau một đến hai ngày (từ khi nhận đầy đủ thông tin), doanh nghiệp sẽ nhận được một chuỗi mã số (gồm 7 chữ số) để khai báo và điền vào các giấy tờ xuất hàng đi Hoa Kỳ. FDA không cấp bất kỳ giấy chứng nhận nào cho việc đăng ký này.

Để đăng ký mã số FDA, trước tiên doanh nghiệp phải đọc kỹ các quy định của FDA về đăng ký số cơ sở thực phẩm, gồm hàng trăm trang tài liệu, đặc biệt là quy định về phân loại nhóm sản phẩm thực phẩm theo quy định tại 21 CFR 170.3, để đảm bảo thông tin đăng ký FDA phản ánh đúng tình trạng của doanh nghiệp và không gặp trở ngại khi nhập khẩu hàng vào Mỹ; đồng thời khi đăng ký số cơ sở thực phẩm FDA doanh nghiệp phải chỉ định đại diện tại Mỹ theo quy định của FDA. Cơ sở cũng có thể uỷ quyền cho cá nhân hoặc tổ chức khác đăng ký thay cho cơ sở.

## 6. Cơ sở sản xuất phụ gia thực phẩm và phụ gia màu sử dụng trong thực phẩm có phải đăng ký cơ sở với FDA không?

Phụ gia thực phẩm và phụ gia màu sử dụng trong thực phẩm được xem là thức ăn thực phẩm theo quy định trong phần 201 (f) của Đạo luật FD & C (21 Hoa Kỳ 321 (f)). Vì vậy, nhiều loại phụ gia thực phẩm và phụ gia màu bắt buộc phải đăng ký vì các cơ sở này sản xuất / chế biến, đóng gói hoặc lưu giữ thực phẩm cho tiêu dùng ở Hoa Kỳ. Tuy nhiên, nếu phụ gia thực phẩm không nhằm tạo ra ảnh hưởng về mặt kỹ thuật trong hoặc trên thực phẩm và đáp ứng định nghĩa về chất tiếp xúc với thực phẩm trong phần 409 (h)(6) của Đạo luật FD & C (21 U.S.C 348 (h)(6)), thì nó được loại trừ khỏi định nghĩa về thực phẩm cho các mục đích đăng ký cơ sở thực phẩm (xem 21 CFR 1.227). Do đó, các cơ sở sản xuất các chất tiếp xúc với thực phẩm không bắt buộc phải đăng ký.

## 7. Những người môi giới thực phẩm dành cho người và động vật có phải đăng ký với FDA không?

Nếu bạn là một nhà môi giới không sản xuất, chế biến, đóng gói hoặc lưu giữ thức ăn cho người hoặc động vật, bạn không bắt buộc phải đăng ký. FDA hiểu rằng hầu hết các nhà môi giới không tham gia vào sản xuất, chế biến, đóng gói, hoặc nắm giữ và hơn nữa, không bao giờ sở hữu sản phẩm thực phẩm. Nhưng nếu bạn có sản xuất, chế biến, đóng gói hoặc giữ thức ăn cho người hoặc động vật để tiêu thụ tại Hoa Kỳ, bạn phải đăng ký cơ sở của bạn

## II. Đại diện Hoa Kỳ của cơ sở nước ngoài

Theo quy định của FDA, các cơ sở (thực phẩm, thiết bị y tế, thiết bị phát xạ, thuốc) bên ngoài Hoa Kỳ (cơ sở nước ngoài) phải chỉ định một đại diện tại Hoa Kỳ (U.S Agent) để giữ vai trò là kênh liên lạc thường xuyên cũng như khẩn cấp giữa FDA và các cơ sở. Đại diện tại Hoa Kỳ có thể là cá nhân, công ty, tổ chức nhưng phải có địa chỉ kinh doanh hoặc thường trú tại Hoa Kỳ và phải duy trì liên lạc thông suốt với FDA 24/24 giờ. FDA không chấp nhận địa hộp thư liên lạc hay điện thoại trả lời tự động. Nếu chỉ định Người đại diện tại Hoa Kỳ là người thiếu trách nhiệm hoặc vì những lý do đột xuất (như đi công tác vắng, đi nghỉ lễ, việc riêng gia đình) không thể hàng ngày kiểm soát thông tin sẽ có thể dẫn đến việc không trả lời FDA đúng hạn và cơ sở sẽ bị thu hồi mã số được cấp.

## III. Thông báo trước (Prior Notice)

Theo quy định của Luật An ninh Y tế và Sẵn sàng Đối phó với Khủng bố Sinh học năm 2002, kể từ ngày 12/12/2003 bất kỳ lô hàng thực phẩm nào dành cho người và động vật nhập khẩu vào Mỹ phải thông báo trước cho U.S FDA. Quy định về thông báo trước đã được FDA điều chỉnh và ban hành quy định cuối cùng có hiệu lực từ ngày 06/5/2009. Theo đó, quy định này cho phép doanh nghiệp gửi thông báo cho FDA không sớm hơn 15 ngày trước ngày dự kiến hàng đến Mỹ nếu thông báo qua Giao diện Hệ thống Thông báo trước của FDA (PNSI) và không sớm hơn 30 ngày dự kiến hàng đến Mỹ nếu thông báo qua Cổng giao dịch tự động của Hệ thống thông tin tự động (ABI/ACS) của Cục Hải quan và biên giới Hoa Kỳ (CBP). Tuy nhiên, thông báo phải được thực hiện

- Không trễ hơn 2 giờ trước khi hàng đến nếu vận chuyển bằng đường bộ;
- Không trễ hơn 4 giờ trước khi hàng đến nếu vận chuyển bằng tàu hỏa;
- Không trễ hơn 4 giờ trước khi hàng đến nếu vận chuyển bằng hàng không;
- Không trễ hơn 8 giờ trước khi hàng đến nếu vận chuyển bằng đường thủy;
- Trước khi gửi hàng bằng thư tín quốc tế;
- Trong khung lịch trình của hãng vận chuyển nếu hàng được vận chuyển hoặc đi kèm theo cá nhân.

Trường hợp hàng hóa không thực hiện thủ tục Thông báo trước sẽ bị lưu giữ tại cửa khẩu nhập hàng vào Hoa Kỳ.

## IV. Đăng ký cơ sở thực phẩm đóng hộp (FCE) và đệ trình quy trình sản xuất (SID)

Theo quy định của FDA, đối với những nhà sản xuất, chế biến, đóng gói thực phẩm đóng hộp có dung dịch thuộc sản phẩm "axít hóa" (AF – Acidified foods) hoặc "axít thấp" (LACF – Low-Acid Canned Foods) lần đầu gia nhập thị trường Hoa Kỳ, ngoài việc đăng ký số cơ sở thực phẩm FFR, phải đăng ký với FDA để được cấp mã số của cơ sở đóng hộp (gọi tắt là mã FCE) nhằm xác nhận sự hiện diện thực tế của cơ sở sản xuất, chế biến, đóng gói.

Cùng với việc đăng ký số FCE, các cơ sở sản xuất, chế biến và đóng gói thực phẩm axít hoá và axít thấp phải đệ trình quy trình sản xuất để được cấp mã số SID không trễ hơn 60 ngày sau khi đăng ký FCE và trước khi đóng gói sản phẩm. SID sẽ được cấp cho từng sản phẩm riêng biệt, kể cả sản phẩm cùng loại nhưng có các kích thước đóng gói khác nhau. Số SID cho phép FDA nhận diện nhanh chóng và chính xác quy trình sản xuất của từng sản phẩm.

Các nhà nhập khẩu, bán buôn, nhà phân phối, môi giới không sản xuất, chế biến hoặc đóng gói các thực phẩm nói trên thì không phải đăng ký các mã số này.

Thực phẩm đã có số FCE cần phải được liệt kê trên hóa đơn thương mại xuất khẩu để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thông quan.

Thực phẩm axít hóa hay còn gọi là thực phẩm có tính axít (AF) là thực phẩm có hàm lượng axít thấp được bổ sung thêm axít hoặc thực phẩm axít nhằm mục đích giảm độ pH xuống dưới 4,6 và hoạt tính nước lớn hơn

0,85, được lưu trữ và phân phối trong điều kiện không bị biến dạng.

Thực phẩm đóng hộp có hàm lượng axit thấp (LACF) là thực phẩm có các đặc điểm sau:

1. Có giá trị pH cân bằng lớn hơn 4,6 và hoạt tính nước lớn hơn 0,85.
2. Được đóng trong một hộp kín để đảm bảo kín khí (nghĩa là đảm bảo an toàn trước sự xâm nhập của vi sinh vật).
3. Được khử trùng bằng nhiệt.
4. Thường được lưu trữ và phân phối trong điều kiện không làm lạnh.

#### V. Quy định về ghi nhãn thực phẩm

Trừ một số trường hợp miễn áp dụng quy định ghi nhãn (cơ sở dưới 100 lao động, lượng tiêu thụ không quá 100.000 đơn vị sản phẩm trong 12 tháng, sản phẩm thô chưa chế biến như trái cây, rau quả và thủy sản) thì hầu hết các sản phẩm thực phẩm chế biến đều buộc phải tuân thủ các quy định ghi nhãn của FDA. Việc vi phạm các quy định ghi nhãn có thể dẫn đến các hậu quả như nhận các cảnh báo của FDA, bị lưu giữ, thu hồi hàng hoá, bị kiện đòi bồi thường thiệt hại hoặc thậm chí bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Quy định về ghi nhãn thành phần dinh dưỡng đối với thực phẩm đóng gói xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ được FDA công bố vào ngày 20/5/2016 và chính thức áp dụng từ ngày 26/7/2018. Theo đó, thời hạn cuối cùng để tuân thủ quy định nêu trên khác nhau tùy thuộc vào doanh thu của nhà sản xuất. Cụ thể, nhà sản xuất có doanh thu từ thực phẩm hàng năm từ 10 triệu đôla trở lên phải chuyển sang nhãn mới trước ngày 1/1/2020. Trong khi đó, các nhà sản xuất có doanh thu thực phẩm hàng năm dưới 10 triệu đôla sẽ có thêm một năm để tuân thủ quy định này, tức là kéo dài đến ngày 1/1/2021.

Quy định này nhằm giúp người tiêu dùng có thể nhận biết rõ hơn mối liên quan giữa thành phần dinh dưỡng và sức khỏe con người, trong đó có mối liên hệ giữa chế độ ăn uống và các bệnh như béo phì và tim mạch, qua đó hướng dẫn tiêu dùng những sản phẩm thực phẩm và đồ uống đóng gói được bán tại Hoa Kỳ, từ đó giúp cho người tiêu dùng có các lựa chọn tốt hơn đối với các sản phẩm thực phẩm

Trong quy định này có ba nhóm yếu tố thay đổi quan trọng bao gồm: cải tiến thiết kế, cập nhật các thông tin khoa học mới và cập nhật mức khẩu phần ăn và các quy định về ghi nhãn bắt buộc đối với một số loại kích cỡ đóng gói sản phẩm.

**1. Về thiết kế:** về cơ bản, các tổ cấu thành một nhãn thành phần dinh dưỡng vẫn không có nhiều thay đổi mà chủ yếu yêu cầu chú trọng vào thông tin để ra những quyết định chọn lựa sản phẩm đúng đắn. Chẳng hạn, thông tin về lượng dùng, năng lượng hấp thu cho mỗi khẩu và số lượng khẩu phần cho mỗi bao gói phải được phóng to và in đậm hơn; ngoài thông tin về tỉ lệ dinh dưỡng hàng ngày đối với vitamin D, canxi, sắt và kali, nhà sản xuất còn phải công bố lượng thực tế của các thành phần này

#### **2. Cập nhật thông tin khoa học: một số thông tin khoa học quan trọng bao gồm:**

a. *Hàm lượng đường bổ sung (added sugars) tính theo gram và phần trăm phải được ghi trên nhãn. Sở dĩ có quy định này là vì, theo FDA, các dữ liệu khoa học trong Hướng dẫn dinh dưỡng cho người Mỹ từ năm 2015-2020 cho thấy rằng rất khó để đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng nếu bạn tiêu thụ nhiều hơn 10% tổng lượng calo hàng ngày từ lượng đường bổ sung trong khi giới hạn lượng calo cho phép;*

b. *Hàm lượng Vitamin D và kali bắt buộc phải ghi trên nhãn (hàm lượng canxi và sắt vẫn tiếp tục bắt buộc phải ghi trên nhãn) trong khi đó không bắt buộc ghi nhãn đối với hàm lượng vitamin A và C (nhưng cho phép nhà sản xuất tự nguyện ghi);*

c. *Các chỉ tiêu tổng lượng chất béo, chất béo bão hòa, chất béo chuyển hoá tiếp tục bắt buộc ghi nhãn trong khi đó loại bỏ chỉ tiêu tổng lượng calo cung cấp từ chất béo bởi vì các nghiên cứu chỉ ra rằng loại chất béo quan trọng hơn lượng chất béo;*

d. *Các giá trị dinh dưỡng hàng ngày như natri, chất xơ và vitamin D đang được cập nhật dựa trên bằng*

chúng khoa học mới hơn từ Viện Y khoa và các báo cáo khác như Báo cáo của Ủy ban Tư vấn chế độ ăn uống 2015, được sử dụng để xây dựng Hướng dẫn Chế độ Ăn uống cho người Mỹ từ năm 2015-2020. Giá trị hàng ngày là lượng chất dinh dưỡng tham chiếu để tiêu thụ hoặc không nên tiêu thụ vượt quá và được sử dụng để tính phần trăm Giá trị dinh dưỡng hàng ngày (% DV) mà nhà sản xuất đưa vào đó để ghi nhãn. % DV giúp người tiêu dùng hiểu thông tin dinh dưỡng trên cơ sở tổng khẩu phần ăn hàng ngày.

### 3. Cập nhật mức khẩu phần ăn và các quy định về ghi nhãn bắt buộc đối với một số loại kích cỡ đóng gói sản phẩm

Luật quy định mức khẩu phần ăn phải dựa trên số lượng thực phẩm và đồ uống mà mọi người thực sự ăn, chứ không phải những gì họ nên ăn. Mức khẩu phần ăn uống hiện nay đã thay đổi kể từ khi quy định về khẩu phần ăn được công bố vào năm 1993. Ví dụ, định lượng tham chiếu được sử dụng để xác định một khẩu phần kem trước đây là 1/2 cup nhưng nay đã thay đổi thành 2/3 cup. Lượng tham chiếu được sử dụng để xác định một khẩu phần soda thay đổi từ 8 ounces sang 12 ounces.

Kích thước bao gói cũng ảnh hưởng đến mức tiêu thụ. Vì vậy, đối với các bao gói có từ một đến hai khẩu phần, chẳng hạn như soda 20 ounce hoặc một lon súp 15 ounce, lượng calo và các chất dinh dưỡng khác sẽ phải ghi nhãn là một khẩu phần vì người tiêu dùng thường dùng nó trong một lần.

phải ghi nhãn là một khẩu phần vì người tiêu dùng thường dùng nó trong một lần.

Đối với một số loại sản phẩm lớn hơn một khẩu phần nhưng có thể được tiêu thụ một lần hoặc nhiều lần, các nhà sản xuất phải ghi nhãn hiệu có hai cột, trong đó lượng calo và thành phần dinh dưỡng cho mỗi khẩu phần và cho cả bao gói phải được ghi tương ứng cho mỗi cột. Nhãn sản phẩm ghi theo hai cột sẽ giúp người tiêu dùng có thể dễ dàng hiểu được bao nhiêu calo và chất dinh dưỡng mà người tiêu dùng hấp thu được khi họ tiêu thụ theo từng khẩu phần hay toàn bộ gói cùng một lúc.

### VI. Đăng ký/cập nhật mã số DUNS khi đăng ký/gia hạn đăng ký định kỳ Nhà máy chế biến thức phẩm với FDA

Trong năm 2020, FDA đã bổ sung thêm yêu cầu các nhà máy thực phẩm phải có Mã số Định danh Cơ sở Duy nhất (UFI – Unique Facility Identifier) và theo thông báo chính thức trên website của FDA (link: <https://www.fda.gov/regulatory-information/search-fda-guidance-documents/guidance-industry-recognition-acceptable-unique-facility-identifier-ufi-foreign-supplier>), đến nay FDA mới đang công nhận duy nhất mã số DUNS là được coi là mã số UFI do đã đáp ứng được các tiêu chí cần thiết của US FDA đối với mã số này.

Mã số DUNS là mã số theo Hệ thống Mã số Dữ liệu Toàn cầu (Data Universal Number System) bao gồm chín chữ số để định danh các doanh nghiệp trên toàn thế giới và do tập đoàn Dun & Bradstreet (D&B) thiết lập và quản lý. Hiện tại, mã số DUNS đang được cung cấp miễn phí cho tất cả các DN có nhu cầu.

#### Để đăng ký mã số DUNS, các DN có thể thực hiện theo các cách sau:

1. Đăng ký mã số DUNS hoặc sửa đổi, cập nhật thông tin nhà máy theo mã số DUNS bằng cách truy cập trực tiếp Cổng thông tin DUNS của FDA tại địa chỉ: <https://fdadunslookup.com/>. Nếu DN lần đầu tiên đăng ký mã số DUNS tại Cổng thông tin thì cần tạo mới một tài khoản để truy cập cổng thông tin này. Các DN có thể tham khảo Hướng dẫn đăng ký tài khoản DUNS tại Cổng thông tin nói trên tại:

- Hướng dẫn nhanh về Cổng thông tin DUNS của US FDA:

[https://fdadunslookup.com/QUICK%20USER%20GUIDE\\_FDA\\_DUNS\\_Portal.pdf](https://fdadunslookup.com/QUICK%20USER%20GUIDE_FDA_DUNS_Portal.pdf)

- Hướng dẫn chi tiết các bước đăng ký mã số DUNS trên Cổng thông tin DUNS của US FDA:

<https://fdadunslookup.com/FDA%20DUNS%20Portal%20User%20Guide.pdf>

2. Đăng ký thông qua Công ty CRIF D&B VIETNAM LLC, đại diện của Tập đoàn Dun & Bradstreet tại Việt Nam để được hướng dẫn và hỗ trợ các thủ tục đăng ký mã số DUNS với Tập đoàn Dun & Bradstreet. Thông tin liên hệ chi tiết:

Chị Nguyễn Thị Thanh Hòa, Công ty CRIF D&B VIETNAM LLC

Tel: 028.39117288/ext. 110;

Địa chỉ: Tầng 15, Minh Long Tower, 17, Bà Huyện Thanh Quan, Quận 3, tp. Hồ Chí Minh

## **VII. Chương trình giám sát an toàn sản phẩm thủy sản nhập khẩu vào Hoa Kỳ của FDA:**

### **1. Thanh tra cơ sở chế biến thủy sản**

FDA được trao quyền thanh tra các nhà sản xuất hoặc nhà chế biến thực phẩm nhằm đảm bảo tuân thủ quy định FDA, bảo vệ người tiêu dùng tránh các sản phẩm không an toàn bao gồm các hình thức: thanh tra trước để phê duyệt cho sản phẩm ra thị trường, thanh tra cơ sở định kỳ theo lộ trình, thanh tra “vì mục đích” để điều tra một vấn đề cụ thể đã được FDA cảnh báo.

Khi có nhu cầu thanh tra, FDA sẽ thông báo với doanh nghiệp thông qua email, fax hoặc bưu điện. Doanh nghiệp sẽ trao đổi với FDA để chuẩn bị cho cuộc thanh tra:

1. *Hồ sơ tài liệu về quy trình sản xuất (được dịch sang Tiếng Anh)*
2. *Người phụ trách trao đổi xuyên suốt trong quá trình thanh tra*
3. *Xe đưa đón cho thanh tra đến nhà máy (nếu có yêu cầu).*

Việc thanh tra một cơ sở thực phẩm nước ngoài sẽ diễn ra từ một đến ba ngày, tùy theo trọng tâm thanh tra và điều kiện khách quan. FDA sẽ dựa trên các yếu tố chính đánh giá mức độ rủi ro của cơ sở bao gồm:

- *Rủi ro về an toàn thực phẩm liên quan đến hàng hoá (loại thực phẩm).*
- *Quá trình sản xuất*
- *Lịch sử tuân thủ của cơ sở, như tỷ lệ bị từ chối nhập khẩu vào Hoa Kỳ*

Các thanh tra của FDA sẽ chấp nhận những biện pháp khắc phục của cơ sở sản xuất thực phẩm trong khoảng thời gian diễn ra thanh tra. FDA cũng có thể xác nhận lại kết quả của những biện pháp khắc phục đó bằng cách kiểm tra đột xuất tại cảng nhập khẩu.

Sau khi hoàn thành thanh tra một cơ sở nước ngoài, các thanh tra viên sẽ có một báo cáo cụ thể chi tiết về kết quả thanh tra.

FDA sẽ có những biện pháp phù hợp với những thông tin thu thập được trong suốt cuộc thanh tra, ví dụ sẽ đưa cơ sở sản xuất và sản phẩm vào danh sách cảnh báo nhập khẩu, hay phát hành thư cảnh báo vi phạm, hoặc các hoạt động khác. Nếu kết quả thanh tra chứng minh được rằng cơ sở sản xuất tuân thủ được các yêu cầu và tiêu chuẩn an toàn thực phẩm của FDA, bản sao kết quả thanh tra chi tiết sẽ được FDA gửi đến cơ sở sản xuất. Nếu phát hiện ra các vấn đề, FDA sẽ cung cấp bản sao kết quả thanh tra chi tiết đến ban quản lý cơ sở sản xuất sau khi các vi phạm được giải quyết, hoặc sau khi FDA đã tiến hành các hành động pháp lý cần thiết.

Tại buổi họp kết luận kết quả thanh tra, thanh tra viên FDA sẽ hướng dẫn cách viết văn bản phản hồi đến FDA. Trong văn bản phản hồi, doanh nghiệp nên nêu rõ các biện pháp khắc phục đã tiến hành sau khi được thông báo những sai phạm từ các thanh tra viên của FDA. Ngoài ra, cơ sở cũng nên gửi kèm các giấy tờ hỗ trợ bao gồm báo cáo về các chỉnh sửa, triển khai các hoạt động giám sát mới, hình ảnh, kế hoạch HACCP chỉnh sửa, hoặc bất cứ thông tin cần thiết nào để chứng minh rằng cơ sở đã hoàn thành các biện pháp khắc phục.

FDA không thu phí thanh tra của doanh nghiệp. Tuy nhiên, nếu bị thanh tra lại thì doanh nghiệp phải đóng phí. Phí thanh tra lại bao gồm những chi phí liên quan đến việc thanh tra lại đối với một vài vấn đề phát sinh từ cuộc thanh tra đầu tiên.

## 2. Luật Hiện đại hóa An toàn thực phẩm (Food Safety Modernization Act - FSMA)

### a. FSMA là gì?

FSMA là từ viết tắt của Food Safety Modernization Act – Luật Hiện đại hóa an toàn thực phẩm của Hoa Kỳ. Được tổng thống Obama ký ban hành ngày 4/1/2011, luật này đòi hỏi các biện pháp phòng ngừa toàn diện mang tính phòng ngừa rủi ro, thay vì kiểm tra sản phẩm cuối cùng tại cảng của Mỹ, thì nay sẽ quản lý theo chuỗi - từ sản xuất nguyên liệu, chế biến, đóng gói, dán nhãn, vận chuyển, cho đến đưa sản phẩm đến người tiêu dùng.

### b. Một số nội dung trọng điểm của luật FSMA là:

- Biện pháp bảo vệ thương hiệu thực phẩm để không bị làm giả.
- Phương tiện vận chuyển, phương pháp vận chuyển hợp vệ sinh
- Phương pháp sản xuất an toàn và có báo cáo về tác động của hoạt động sản xuất tới môi trường
- Có các chương trình xác nhận nhà cung cấp nước ngoài (FSVP)
- Chứng nhận bên thứ 3 tin cậy.
- Giám sát ngăn ngừa đối với Quy tắc cuối cùng thực phẩm cho người
- Kiểm soát ngăn ngừa đối với Quy tắc cuối cùng thực phẩm cho động vật.

FSMA tiếp cận giải quyết vấn đề an toàn thực phẩm thông qua phòng ngừa mọi rủi ro liên quan đến an toàn thực phẩm (ATTP) trong suốt quá trình sản xuất, cung cấp nguyên liệu, chế biến, dán nhãn, đóng gói, vận chuyển và đưa ra sản phẩm ra thị trường. Do đó, khác với trước kia, hàng hoá chỉ kiểm tra ở cửa khẩu thì quy định mới này sẽ phân bổ áp lực cho tất cả các nhân tố trong chuỗi: các nhà bán lẻ của Mỹ, nhà phân phối, nhà nhập khẩu và trách nhiệm được chuyển về nhà sản xuất đầu vào, chế biến, đóng gói.

FSMA đòi hỏi các nhà sản xuất, chế biến của các nước phải đầu tư lớn để xây dựng và quản lý chuỗi cung ứng định hướng sản xuất thực phẩm an toàn cho người tiêu dùng ngay từ cơ sở trong nước, sau đó đăng ký kế hoạch ATTP dưới sự giám sát và kiểm tra phòng ngừa rủi ro từ FDA.

Các quy tắc FSMA vì thế tạo áp lực cho các nhà xuất khẩu Việt vào Hoa Kỳ phải chú trọng trên toàn chuỗi cung ứng, từ nhà cung cấp, nguồn nguyên liệu thô, thành phẩm, sản phẩm chế biến sẵn... cho đến cơ sở trang trại, môi trường (không khí, đất, nước...)... đặt trên quy tắc phòng vệ an toàn.

## VIII. Chương trình kiểm soát an toàn thực phẩm thủy sản bộ Siluriformes XK sang thị trường Hoa Kỳ của Bộ Nông Nghiệp Hoa Kỳ

Đạo luật Nông nghiệp 2014 của Hoa Kỳ (Farm Bill 2014) đã được tổng thống Mỹ Barack Obama ký ban hành chính thức vào ngày 7/12/2014. Ngày 26/11/2015, Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) đã thông báo chính thức triển khai Chương trình thanh tra cá da trơn dựa trên theo quy định của Luật Nông Nghiệp Hoa Kỳ 2014. Theo đó, Chương trình này chính thức có hiệu lực từ tháng 3/2016 với 18 tháng chuyển tiếp, qua đó cho phép các nhà cung cấp cá da trơn nước ngoài có thời gian thực hiện những điều chỉnh cần thiết để có thể đáp ứng những yêu cầu của USDA. Như vậy từ ngày 01/9/2017, để tiếp tục xuất khẩu cá da trơn thuộc bộ Siluriformes (ở Việt Nam chủ yếu là cá tra) vào Hoa Kỳ, Việt Nam phải xây dựng và tổ chức hệ thống kiểm soát ATTP tương đương với Hoa Kỳ về ba nhóm tiêu chí:

- a. Hệ thống pháp luật trong kiểm soát chất lượng, ATTP;
- b. Năng lực thực thi pháp luật của cơ quan thẩm quyền;
- c. Điều kiện bảo đảm vệ sinh, ATTP trong toàn bộ quá trình từ sản xuất con giống, nuôi trồng, vận chuyển, sơ chế, chế biến, xuất khẩu cá tra vào Hoa Kỳ.

Để đáp ứng quy định mới này của Hoa Kỳ, Bộ NNPTNT đã ban hành “Chương trình kiểm soát An toàn thực phẩm thủy sản bộ Siluriformes xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ” theo Quyết định số 3379/QĐ-BNN-QLCL ngày

15/08/2017, đồng thời tổ chức rà soát hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, tập huấn cho người dân, doanh nghiệp về triển khai quy định mới của Hoa Kỳ.

Sau những nỗ lực chung của doanh nghiệp và các cơ quan chức năng, ngày 31/10/2019, Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ công bố quyết định đánh giá tương đương hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm cá da trơn của Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ. Sau khi đánh giá tương đương, Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ vẫn tiếp tục giám sát, định kỳ thanh tra lại Hệ thống kiểm soát ATTP chuỗi sản xuất kinh doanh cá tra Việt Nam. Do vậy, sang năm 2020, nhằm củng cố và nâng cao chất lượng mặt hàng cá tra xuất khẩu, Bộ NNPTNT đã tiếp tục ban hành “Chương trình kiểm soát an toàn thực phẩm thủy sản bộ *Siluriformes* xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ” theo Quyết định 1802/ QĐ-BNN-QLCL ngày 22/5/2020 (thay thế Quyết định số 1802/QĐ-BNN-QLCL ngày 22/05/2020).

Đối tượng áp dụng Chương trình gồm các tổ chức, cá nhân nuôi, vận chuyển, chế biến, bảo quản cá, xuất khẩu cá da trơn sang thị trường Hoa Kỳ; các cơ quan chức năng; và phòng thí nghiệm phân tích và kiểm nghiệm mặt hàng cá da trơn xuất khẩu.

#### **Chương trình bao gồm những nội dung chính như:**

- Kiểm soát điều kiện bảo đảm ATTP tại cơ sở nuôi (được thẩm định, chứng nhận và giám sát điều kiện bảo đảm ATTP theo quy định);
- Kiểm soát tại công đoạn vận chuyển cá đến cơ sở chế biến (yêu cầu đối với việc vận chuyển bằng tàu/ghe, xe; kiểm tra chất lượng cá khi tiếp nhận tại cơ sở chế biến; kiểm soát điều kiện bảo đảm ATTP trong quá trình vận chuyển);
- Kiểm soát tại công đoạn chế biến (yêu cầu về nhà xưởng, trang thiết bị; kiểm soát điều kiện bảo đảm ATTP trong quá trình chế biến; giám sát quá trình chế biến; yêu cầu về ghi nhãn sản phẩm);
- Quy định về việc ghi nhãn sản phẩm (thông tin phải trực tiếp ghi trên nhãn bao bì bằng tiếng Anh với đầy đủ thông tin về tên thương mại loại cá, các chất phụ gia đi kèm, nơi xuất xứ, thông tin về cơ sở sản xuất);
- Kiểm soát quy trình xuất khẩu (lập danh sách; yêu cầu đối với sản phẩm XK; đăng ký thẩm định lô hàng XK; thẩm định, lấy mẫu kiểm nghiệm lô hàng; xử lý kết quả thẩm định, kiểm nghiệm không đáp ứng quy định; cấp chứng thư và tạm ngừng cấp chứng thư; cấp lại chứng thư, cấp chuyển tiếp chứng thư, giám sát lô hàng sau thẩm định, chứng nhận; xử lý lô hàng bị cảnh báo).

Quyết định 1802/ QĐ-BNN-QLCL được ban hành đã góp phần quy chuẩn hóa tiêu chuẩn về ATTP mặt hàng cá da trơn nói chung và thúc đẩy xuất khẩu mặt hàng cá tra Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ nói riêng. Để duy trì việc công nhận và mở rộng xuất khẩu sang Hoa Kỳ, các cơ sở, doanh nghiệp sản xuất, chế biến, kinh doanh cá tra vẫn cần tiếp tục triển khai và hoàn thiện hệ thống quản lý ATTP của doanh nghiệp, đáp ứng đúng các yêu cầu của “Chương trình kiểm soát an toàn thực phẩm thủy sản bộ *Siluriformes* xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ” do Bộ NNPTNT ban hành.







**HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU  
THỦY SẢN VIỆT NAM**



**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

## **HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM**

Trụ sở: Số 7 đường Nguyễn Quý Cảnh, Phường An Phú, Quận 2, Tp.Hồ Chí Minh  
Tel: (+84) 28.628.10430 - Fax: (+84) 28.628.10437 - Email: [vasephcmcity@vasep.com.vn](mailto:vasephcmcity@vasep.com.vn)

VPĐD: số 10, Nguyễn Công Hoan, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội  
Tel: (+84 24) 3.7715055 - Fax: (+84 24) 37715084 - Email: [vasephn@vasep.com.vn](mailto:vasephn@vasep.com.vn)